



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
ANNUAL REPORT YEAR 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
CAN THO PORT JOINT STOCK COMPANY





I. Thông tin chung/ *General information*

1. Thông tin khái quát/ *General information*

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Tên tiếng anh:	Can Tho Port Joint Stock Company
Giấy chứng nhận ĐKDN số:	1801319907, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 19/04/2017
Vốn điều lệ:	284.800.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	284.800.000.000 đồng
Địa chỉ:	02 Khu vực Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
Số điện thoại:	0292 652 64 83
Số fax:	0292 391 73 95
Website:	www.canthoport.com.vn
Email:	canthoport.info@gmail.com
Mã cổ phiếu:	CCT



Quá trình hình thành và phát triển

❖ Quá trình hình thành Cảng Cần Thơ (Cảng Hoàng Diệu):

- Tháng 6/1980: Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở tiếp nhận một quân cảng thuộc Tiểu đoàn 804, Trung đoàn 659, Quân khu 9 trực thuộc UBND tỉnh Hậu Giang.
- 29/8/1980: Cảng trực thuộc Công ty Giao thông Vận tải Hậu Giang theo Quyết định số 390/QĐ-UB.80 của UBND tỉnh Hậu Giang.
- 28/11/1992: Cảng được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Sở Giao thông Vận tải Cần Thơ theo Quyết định số 1393/QĐ.UBT. của UBND TP.Cần Thơ.
- 17/09/1993: Cảng Cần Thơ trở thành Doanh nghiệp Nhà nước hạch toán độc lập, trực thuộc Cục Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1828/KH-ĐT của Bộ GTVT.
- 30/07/2002: Cảng Cần Thơ được tổ chức lại thành đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Cảng Sài Gòn theo Quyết định số 2334/2002/QĐ-BGTVT ngày 26/7/2002 của Bộ trưởng Bộ GTVT và Quyết định số 631/QĐ-HĐQT ngày 30/7/2002 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- 16/11/2006: Tách chuyển nguyên trạng Cảng Cần Thơ – đơn vị trực thuộc Cảng Sài Gòn về làm đơn vị hạch toán phụ thuộc - trực thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1045/QĐ-HĐQT ngày 16/11/2006 của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

❖ Quá trình hình thành Cảng Cái Cui

- 06/6/2006: Cảng Cái Cui được thành lập theo Quyết định 1434/QĐ-UBND của UBND Thành phố Cần Thơ.
- 16/8/2007: Thủ tướng chính phủ quyết định chuyển giao Cảng Cái Cui về Tổng công ty Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 1050/QĐ-TTg.

❖ Quá trình hình thành Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

- 31/10/2013: Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ được thành lập trên cơ sở sáp nhập Cảng Cần Thơ (nay là Cảng Hoàng Diệu) vào Cảng Cái Cui theo Quyết định số 289/QĐ-HHVN ngày 19/6/2013 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Hàng hải Việt Nam



Năm 2015:

- 25/3/2015: Công ty tổ chức thành công Đại hội cổ đông thành lập Công ty CP Cảng Cần Thơ.
- 31/3/2015: Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty CP với mức vốn điều lệ 284.800.000.000 đồng.

Năm 2016:

- 25/4/2016: Công ty CP Cảng Cần Thơ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ Công ty đại chúng.
- 01/7/2016: Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký lưu ký chứng khoán với tổng số lượng chứng khoán đăng ký lưu ký lần đầu là 28.480.000 cổ phiếu.

Năm 2017:

- 20/6/2017: Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu.
- 30/6/2017: Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán CCT.

Trải qua 39 năm kể từ ngày thành lập cho đến nay, Cảng Cần Thơ đã trải qua nhiều chủ thể quản lý nhằm mục đích chuyển đổi phù hợp với cơ chế quản lý tạo điều kiện cho Cảng phát triển trở thành cảng biển có quy mô lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long, từng bước hoàn thành các mục tiêu Nhà nước giao phó đáp ứng nhu cầu, động lực phát triển kinh tế của vùng và khu vực hạ lưu sông Mekong.

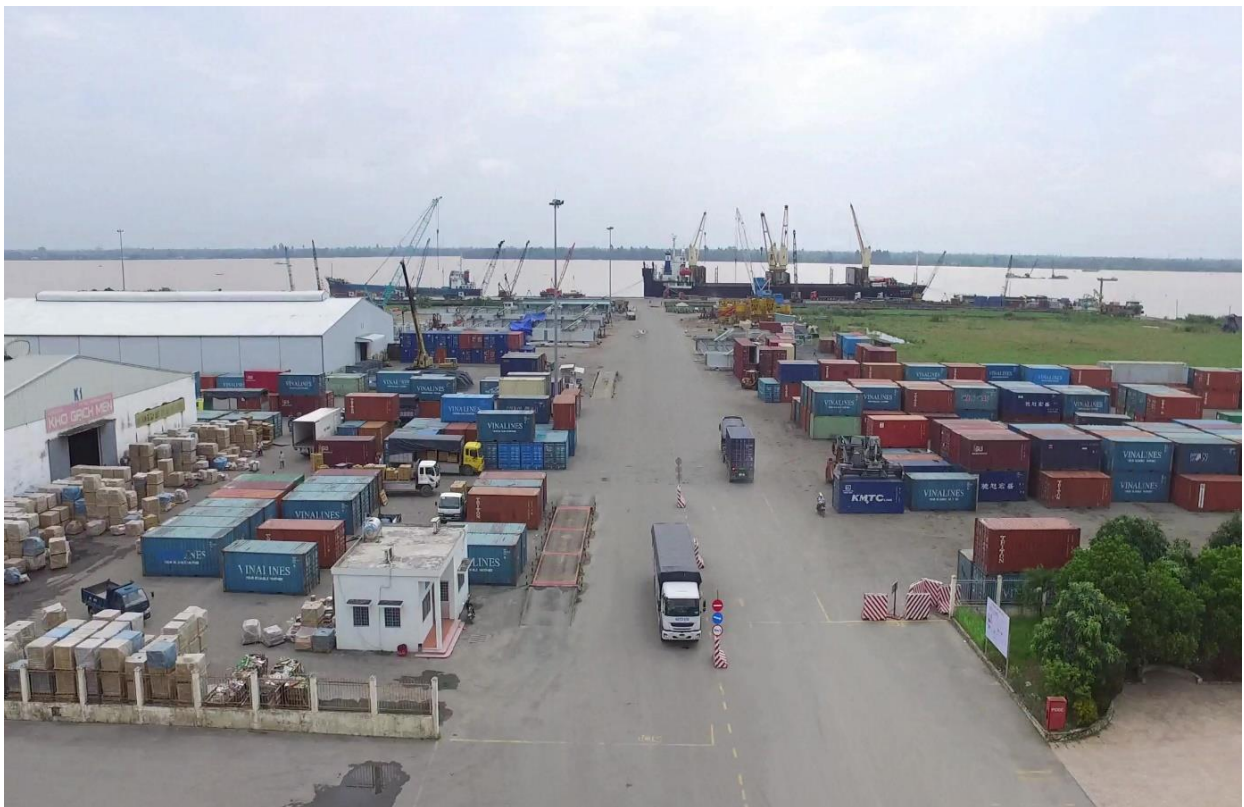
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Lines and locations of the business:

2.1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Bốc xếp vận tải;
- Cho thuê bến bãi và dịch vụ lưu kho bảo quản;
- Cung ứng xăng dầu;
- Kinh doanh dịch vụ phụ trợ khác;

Hoạt động bốc xếp, vận tải:

- **Về hoạt động bốc xếp:** bao gồm các dịch vụ bốc xếp hàng container, hàng thiết bị, dịch vụ thu gom, bốc xếp hàng tổng hợp, hàng bao, hàng rời... Đây là dịch vụ kinh doanh chính, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Cảng Cần Thơ qua từng năm. Công ty hiện đang sở hữu và khai thác 867m cầu cảng, có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng 20.000dwt, cùng với các loại cần trục có sức nâng từ 25 – 250 tấn, đủ khả năng bốc xếp cho các tàu có tải trọng lớn, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí bốc dỡ.
- **Về hoạt động vận tải:** Công ty hiện đang sở hữu các đội sà lan, tàu lai dắt, đội xe tải container chuyên nghiệp, đáp ứng được các hoạt động vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ. Ngoài ra, Công ty còn liên kết với các công ty chuyên vận tải hàng hóa nhằm đáp ứng nhanh chóng và hiệu quả mọi nhu cầu của khách hàng.





Dịch vụ lưu kho bãi

- ***Kho và dịch vụ lưu kho:*** Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đang sở hữu một hệ thống nhà kho với diện tích sử dụng lớn nhằm bảo quản và lưu trữ hàng hóa được tốt hơn. Công ty có nhiều năm kinh nghiệm trong việc kiểm soát, lưu trữ hàng hóa, có phương thức đóng gói hàng hóa cẩn thận, chính xác giúp tiết kiệm diện tích và giảm thiểu các chi phí phát sinh để có thể tận dụng tối đa diện tích kho bãi. Dịch vụ lưu kho của Công ty có tỉ lệ lấp đầy rất cao, có những thời điểm diện tích lấp đầy lên tới 100%.
- ***Bãi và dịch vụ cho thuê bến bãi:*** Với tổng cộng hơn 160.000 m² bãi hàng hóa ở các bến cảng biển Cái Cui, Hoàng Diệu và cảng sông Sóc Trăng, Công ty hiện đang sở hữu cơ sở hạ tầng bãi lớn nhất so với các Cảng khác trong khu vực đồng bằng Sông Cửu Long, tỉ lệ lấp đầy chung toàn Công ty hiện ở mức 42%.

Hoạt động cung ứng xăng dầu

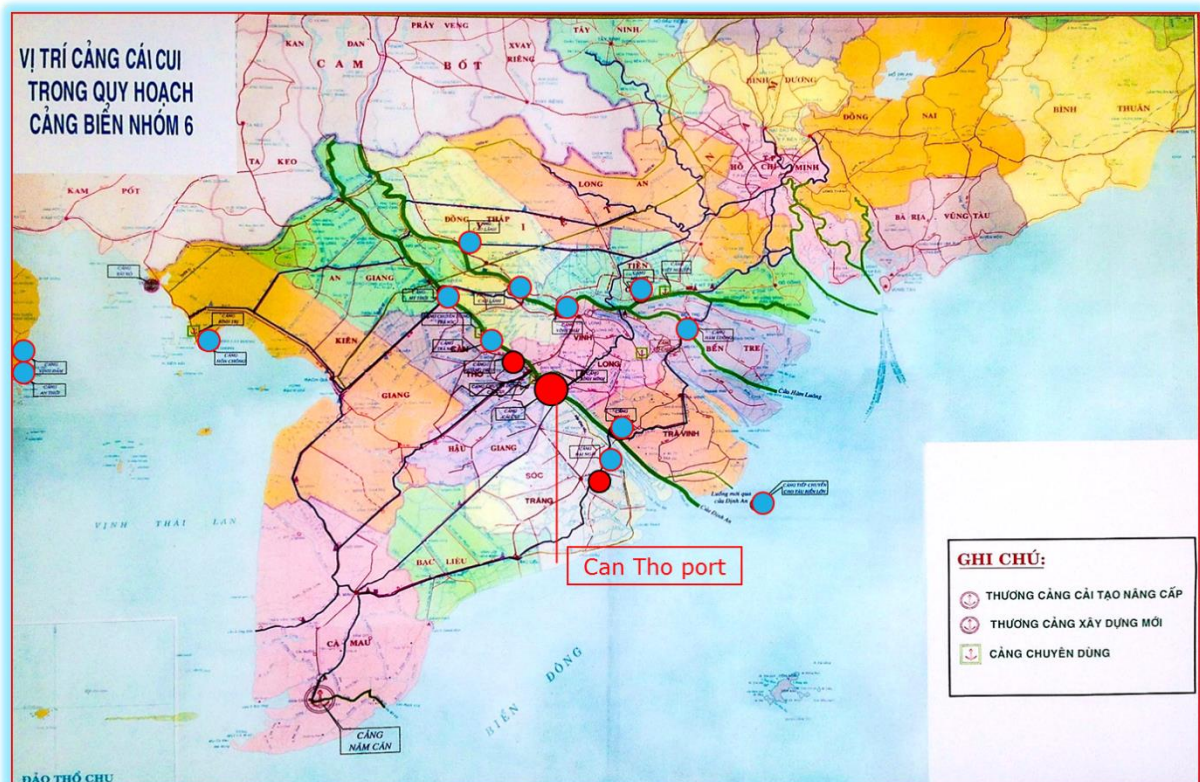
Là một trong những dịch vụ kinh doanh truyền thống của Cảng. Trong thời gian qua, dịch vụ cung ứng xăng dầu cho các đối tượng tàu chở hàng hóa qua cảng và các đơn vị vận tải trong cảng đang phát triển trở thành một trong những nhóm dịch vụ thường xuyên mang lại nguồn thu đáng kể trong tương lai của Công ty.

Hoạt động kinh doanh khác

- Ngoài các nhóm dịch vụ chính kể trên, Công ty hiện còn cung cấp các dịch vụ giao nhận, cung ứng hàng hải, dịch vụ cho thuê tàu lại và các dịch vụ khác.
- Các dịch vụ phụ trợ này tuy chiếm tỷ trọng doanh thu không cao nhưng lại đóng vai trò hỗ trợ quan trọng, giúp Công ty hình thành chuỗi cung ứng dịch vụ hàng hải đa dạng và hoàn chỉnh.

2.2. Địa bàn kinh doanh/Location of business:

- ❖ Cảng Cần Thơ hiện đang cung cấp dịch vụ chủ yếu tại thành phố Cần Thơ với các bến cảng biển tại Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và các bến phao trên sông Hậu.
- ❖ Cảng Cần Thơ hiện đang cung cấp dịch vụ gom vét than khu vực Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; đồng thời, phối hợp với Công ty liên kết Công ty Trách nhiệm hữu hạn Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn để cung cấp dịch vụ xếp dỡ và cho thuê kho, bãi tại khu vực này.
- ❖ Ngoài ra, ngày 19/4/2018 Cảng Cần Thơ đã chính thức đưa Cảng sông Sóc Trăng vào khai thác sau khi đấu giá thành công quyền tổ chức quản lý và khai thác Cảng sông Sóc Trăng do Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng tổ chức. Việc Cảng Cần Thơ đưa Cảng Sóc Trăng vào khai thác đã tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các chuỗi logistics của Công ty tại các tỉnh khu vực hạ lưu Nam Sông Hậu kết nối với các chuỗi logistics đang triển khai tại với các cảng biển trực thuộc Công ty. Cảng Sóc Trăng đóng vai trò quan trọng là trung tâm thu gom hàng hóa tại khu vực thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, một phần các tỉnh Hậu Giang, Bạc Liêu và Cà Mau để chuyển về các bến cảng biển trực thuộc Cảng Cần Thơ hoặc các cảng biển đối tác tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh, Cái Mép Vũng Tàu.





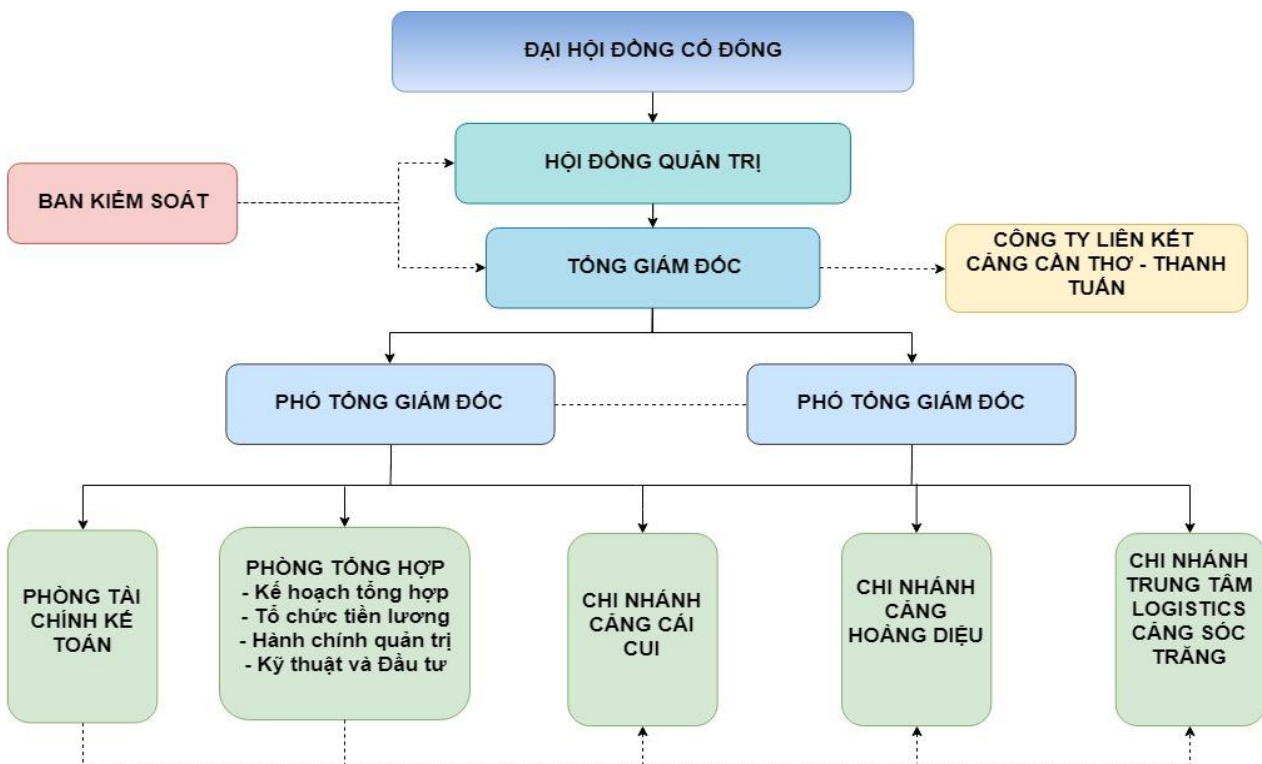
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/ Information about governance model, business organization and managerial apparatus

3.1. Mô hình quản trị/ Governance model.

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị bao gồm:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- Ban điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng);
- Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Tổng hợp, Phòng Tài chính – Kế toán;
- Các đơn vị trực thuộc.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY



Quan hệ lãnh đạo : ———→
Quan hệ kiểm soát : - - - - -→
Quan hệ phối hợp : ······→



3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

- **Công ty con:** Không có.

- **Công ty liên kết:**

CÔNG TY TNHH CẢNG CẦN THƠ – THANH TUẤN

Giấy CNĐKKD số: 2100420844 do Sở Kế hoạch đầu tư Tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu ngày 02/08/2014, thay đổi lần 2 ngày 04/06/2014.

Địa chỉ: Hương lộ 81, ấp Cồn Ông, xã Dân Thành, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh

Điện thoại: 0743 852822

Fax: 0743 852585

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Giá trị phần vốn góp: 10.000.000.000 đồng

Tỷ lệ nắm giữ: 50%

Giá trị đầu tư: 4.497.251.573 đồng

Ngành nghề kinh doanh: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa

- **Các chi nhánh trực thuộc Công ty:**

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui	02 KV Phú Thắng, P. Tân Phú, Q. Cái Răng, TP. Cần Thơ
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu	27 Lê Hồng Phong, P. Trà An, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng	272 Cao Thắng, Khóm 6, Phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

4. Định hướng phát triển/ Development orientations

- ❖ Xây dựng thương hiệu Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hoạt động bền vững, uy tín trên thị trường, thực hiện quảng bá thương hiệu qua các phương tiện truyền thông, truyền hình.
- ❖ Tiếp tục tập trung vào những lĩnh vực truyền thống, bao gồm hoạt động kho bãi, bốc xếp, dịch vụ logistics hỗ trợ vận chuyển đường thủy. Với phương châm “Năng suất – Chất lượng – An toàn – Hiệu quả” Công ty đã không ngừng cải tiến chất lượng nhằm cung cấp các dịch vụ trọn gói cho khách hàng như các dịch vụ khai thuê hải quan, tư vấn thuê mướn phương tiện vận tải, lưu trữ và vận tải hàng hóa,...
- ❖ Đầu tư hoàn thiện dịch vụ bốc xếp container tại Cảng Cái Cui nhằm nối tuyến container quốc tế từ Cảng Phnom Penh – Cái Cui – Cái Mép Vũng Tàu bằng phương tiện vận tải thủy lớn từ 100 TEUs - 400 TEUs.
- ❖ Nghiên cứu đầu tư các trang thiết bị và các giải pháp quản lý nhằm tiết kiệm tối đa tiêu hao năng lượng tại các kho hàng, văn phòng, nhất là nhiên liệu trong quá trình hoạt động của các phương tiện cơ giới bốc xếp.



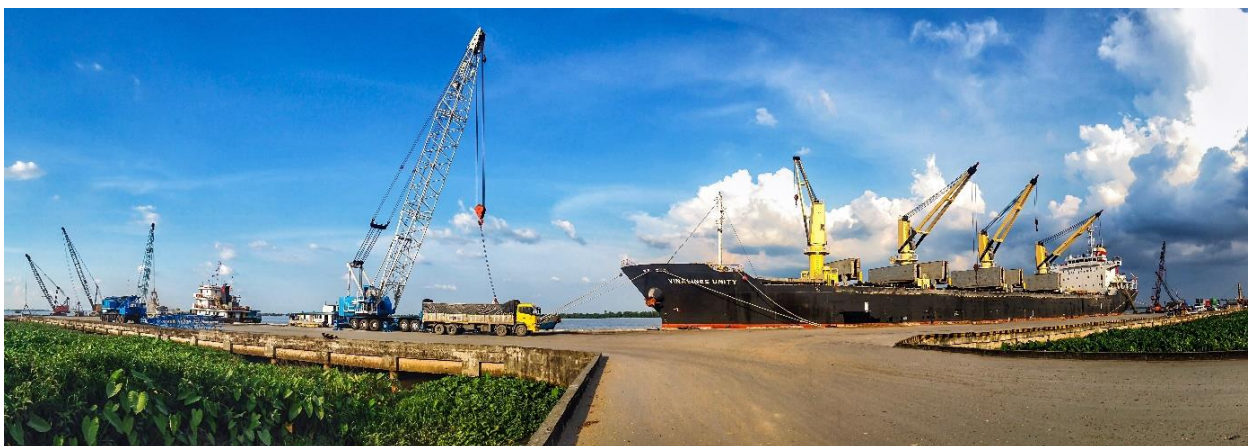
4.1. Các mục tiêu đối với môi trường

- ❖ Công ty luôn chú trọng vấn đề về môi trường trong quá trình hoạt động kinh doanh, tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tác động đến môi trường. Với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty thường xuyên tổ chức các khoá huấn luyện, tuyên truyền bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức để ứng phó với những biến đổi khí hậu như hiện nay.
- ❖ Bên cạnh đó, Công ty tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy nhằm bảo đảm an toàn về người lẫn hàng hoá. Vận động cán bộ công nhân viên của Công ty tạo nếp sống văn minh như: không vứt rác bừa bãi, không xả nước thải ra môi trường,...
- ❖ Bên cạnh lợi ích chung của Cảng Cần Thơ, Công ty luôn đẩy mạnh vai trò, đóng góp đối với lợi ích của cộng đồng nhằm góp phần vào sự phát triển chung của xã hội.
- ❖ Hàng năm, Công ty trích một phần kinh phí để ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng gặp khó khăn trên địa bàn hoạt động, đồng bào bị lũ lụt ở miền Trung, quyên góp quỹ khuyến học dành cho các học sinh chịu khó, có ý chí vượt qua hoàn cảnh không may mắn,... Qua đó, Công ty luôn nỗ lực đem đến những giá trị thiết thực, lâu dài nhằm góp phần nâng cao đời sống của cộng đồng, xã hội.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về hoạt động khai thác cảng

- ❖ Phát triển Cảng Cái Cui thành cảng biển tổng hợp trung tâm của vùng Đồng bằng sông Cửu Long với hạ tầng kho bãi, trang thiết bị, công nghệ quản lý hiện đại. Trong khi đó, Cảng Hoàng Diệu tập trung phát triển, khai thác các loại hàng bao, hàng rời, hàng thiết bị, hàng bách hóa,... kết hợp với các chi nhánh, Cảng sông Sóc Trăng, trạm đại diện tại Duyên Hải (Trà Vinh), Vàm Cái Sắn (Thốt nốt), tạo thành một hệ thống các bến cảng, phục vụ cho nhu cầu của khách hàng, thực hiện nhiệm vụ kinh tế, chính trị cho sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.



- ❖ Triển khai phát triển đồng bộ cảng biển với cơ sở hạ tầng kết nối cảng và dịch vụ sau cảng; nâng cao chất lượng dịch vụ logistics phục vụ vận tải thuận lợi, tổ chức hiệu quả quá trình vận tải trong khu vực.

Về đầu tư

- ❖ Công ty tiếp tục hoàn thiện kế hoạch đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng và thiết bị công nghệ ở hai Cảng Hoàng Diệu và Cái Cui nhằm phát huy tối đa vị thế Công ty tại khu vực. Tìm kiếm đối tác thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức liên doanh liên kết, hợp tác đầu tư, nâng cao năng lực bốc xếp hàng hóa và cung cấp các dịch vụ hàng hải.

Về tài chính

- ❖ Thi hành các chính sách tiết kiệm chi phí, hạ giá thành dịch vụ nhằm tăng tính cạnh tranh và tăng lợi nhuận cho Công ty, tận dụng hiệu quả nguồn vốn hiện có, hạn chế tối đa việc đi vay, quản lý chặt chẽ các chính sách công nợ, thu hồi vốn giảm thiểu rủi ro hoạt động cho Công ty.
- ❖ Đối với các khoản nợ hiện tại, khoản nợ trong vòng 3 năm không tính lãi nhằm giảm áp lực tài chính, sau khi tình hình tài chính Công ty đi vào ổn định thì sẽ thực hiện trả dần theo lộ trình.

Về nhân sự

- ❖ Nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ chuyên môn, tay nghề cho người lao động nhằm đáp ứng các đòi hỏi bức thiết của thị trường trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng cao, phục vụ cho việc định hướng kinh doanh, phát triển sản xuất của Công ty.
- ❖ Từng bước củng cố tổ chức nhân sự, nâng cao bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phù hợp với cơ chế mới.





5. Các rủi ro/ Risks:

Rủi ro về kinh tế

Với đặc thù kinh doanh liên quan đến hoạt động cảng biển, CTCP Cảng Cần Thơ sẽ không tránh khỏi những tác động của nền kinh tế đến hoạt động kinh doanh của mình. Chính vì thế đây là rủi ro không thể không nhắc đến trong quá trình hoạt động của Doanh nghiệp.

- ❖ **Tốc độ tăng trưởng GDP:** Tình hình kinh tế thế giới gần đây đã có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với các giai đoạn trước và được dự đoán sẽ dần ổn định trở lại trong tương lai. Trong bối cảnh phục hồi của nền kinh tế chung, GDP Việt Nam đã tăng trưởng 7.08% so với năm 2017, vượt mục tiêu Chính phủ đề ra là 6,7%. Riêng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng 17,8% so với năm trước, đây vừa là động lực, vừa là một cơ hội lớn cho Công ty trong năm 2019 khi việc hội nhập kinh tế trở nên phổ biến.
- ❖ **Lãi suất:** Trong quá trình hoạt động kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh mà mỗi doanh nghiệp sẽ có cơ cấu vốn khác nhau nhưng phần lớn các doanh nghiệp sẽ vay vốn từ ngân hàng và biến động lãi suất ngân hàng sẽ có những ảnh hưởng nhất định. Với đặc thù ngành đòi hỏi đầu tư, mua sắm tài sản để đáp ứng điều kiện đấu thầu dự án trong khu vực thì rủi ro lãi suất là rủi ro mà Công ty thường gặp phải. Tuy nhiên, biến động lãi suất hiện nay được Nhà nước kiểm soát khá tốt trong biên độ nên sẽ không ảnh hưởng nhiều đến việc trả nợ, trả lãi của Công ty.
- ❖ **Tỷ giá:** Biến động tỷ giá là rủi ro ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có các hoạt động kinh doanh liên quan đến các giao dịch ngoại tệ. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực khai thác cảng, đôi khi sẽ có dự án với các đối tác nước ngoài. Mặc dù các giao dịch ngoại tệ không diễn ra thường xuyên nhưng Công ty luôn quan tâm đến biến động tỷ giá để có các chính sách phù hợp nhằm tối thiểu chi phí.

Rủi ro đặc thù ngành

- ❖ **Giá nguyên liệu:** Bên cạnh hoạt động kinh doanh bốc xếp hàng hóa và dịch vụ lưu kho bãi, doanh thu của Công ty còn đến từ hoạt động vận tải và cung ứng xăng dầu. Đây là mặt hàng chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước, nhưng lại phụ thuộc lớn vào biến động giá dầu thế giới. Do đó, Công ty luôn chú trọng đến sự biến động giá cả nguyên liệu đầu vào nhằm cân bằng chi phí, có công tác đầu tư phù hợp đảm bảo triển khai các dự án một cách tốt nhất.
- ❖ **Rủi ro cạnh tranh:** Trong năm 2017, bên cạnh các thuận lợi từ hiệp định FTA, sự đầu tư mạnh mẽ của nguồn vốn ngoại, Việt Nam đã tăng cường mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới. Điều này vừa tác động tích cực lẫn tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của Công ty, đặc biệt sự gia tăng số lượng cảng mới và việc mở rộng thị trường, liên doanh với các đối tác nước ngoài, đặc biệt sự cạnh tranh về giá đã gây ra những áp lực khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gặp nhiều khó khăn. Để giảm thiểu rủi ro trên, Công ty luôn cố gắng tập trung tìm kiếm thêm khách hàng mới



và mở rộng thị trường để cạnh tranh toàn diện với các doanh nghiệp trong và ngoài nước

Chính sách xuất nhập khẩu: Các chính sách thuế, phí hải quan, tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, chính sách kiểm dịch, kiểm tra an toàn vệ sinh và các chính sách quản lý đặc thù từng loại hàng hóa trong từng thời kỳ sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh cũng như lợi nhuận của Công ty, nhất là trong giai đoạn hội nhập như hiện nay, việc nới lỏng hoặc thắt chặt chính sách kiểm soát tái xuất đặc biệt có những yêu cầu kiểm tra khắt khe, ảnh hưởng lớn đến lượng hàng thông quan qua Cảng và đặc biệt với dịch vụ container lạnh có thời gian không linh hoạt và chi phí bảo quản, lưu kho cao. Vì vậy, việc theo sát và cập nhật thông tin các chính sách mới được Công ty chủ động và thay đổi phù hợp theo từng thời điểm kinh doanh.

- ❖ Thời tiết: Việc vận chuyển hàng hóa qua Cảng chịu tác động khá lớn từ thời tiết, đặc biệt khi khu vực hoạt động xảy ra thiên tai, lũ lụt có thể khiến các hoạt động kinh doanh phải tạm ngưng, đồng thời gây khó khăn và thiệt hại cho các chuyến vận chuyển đang lưu thông và có thể ảnh hưởng tới các bên liên quan.

Rủi ro luật pháp

Với hoạt động kinh doanh đặc thù là khai thác cảng biển, Công ty chịu ảnh hưởng lớn từ các chính sách Quy hoạch phát triển ngành cảng biển của Chính phủ cũng như thành phố Cần Thơ. Vì thế việc cập nhật thay đổi chính sách nhằm thích ứng kịp thời luôn được Công ty chú trọng, nhất là trong giai đoạn hiện tại, Nhà nước đang có những nỗ lực trong việc điều chỉnh các văn bản luật kế toán, thuế, chứng khoán để phù hợp với sự thay đổi trong quá trình phát triển.

Để giảm thiểu những rủi ro pháp lý và đảm bảo luôn tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Ban lãnh đạo và các bộ phận chuyên môn của Công ty luôn nghiên cứu kỹ các vấn đề pháp lý và phổ biến đến cán bộ công nhân viên để tránh các vi phạm ảnh hưởng tài chính và uy tín của Công ty.

Rủi ro về môi trường

Trong hoạt động kinh doanh khai thác, các cảng biển đều phải đối mặt với các vấn đề môi trường nước do liên quan đến các hoạt động của tàu thuyền ra vào cảng, xây dựng sửa chữa bến cảng, đổ phế thải, ... Sự tăng trưởng của hoạt động kinh doanh cũng đồng thời ẩn chứa nguy cơ tăng ô nhiễm môi trường từ các bến cảng.

Nhận thức bản thân là Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cảng biển, Công ty luôn chú trọng thực hiện các chính sách bảo vệ môi trường trong việc đầu tư xây dựng, mở rộng hạ tầng cảng cũng như các hoạt động kinh doanh.

Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như thiên tai, hoả hoạn, biến động chính trị xã hội, ... đều ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh của Công ty, cụ thể là ảnh hưởng đến tiến độ



dự án cũng như gây thiệt hại đến các hàng hóa trong quá trình vận chuyển. Để hạn chế tối đa các thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn tham gia đóng phí bảo hiểm cho người lao động và tài sản tại các tổ chức bảo hiểm uy tín.



II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Yearly Operations*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/ *Situation of production and business operations*

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.hiện 2017	NĂM 2018			+/- TH 2018/2017	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG							
1	Hàng thông qua	TTQ	1.923.664	2.181.000	1.692.340	77,59%	-231.324	-12,03%
	Trong đó Container	TEUS	12.703	17.000	12.792	75,25%	89	0,70%
2	Xăng dầu	Lít	733.236	1.010.000	1.043.211	103,29%	309.975	42,27%
B	TÀI CHÍNH							
1	Doanh thu	Tr đồng	101.463	119.000	98.973	83,17%	-2.691	-2,65%
2	Chi phí	Tr đồng	101.678	118.000	98.863	83,78%	-2.742	-2,70%
3	Lợi nhuận	Tr đồng	-215	1.000	110			
4	Ebitda	Tr đồng	21.528	24.192	14.386	59,47%	-7.142	-33,18%
C	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	Tr đồng	7.562	39.160	9.352	23,88%	1.790	23,67%
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	Tr đồng	364	11.260	6.139	54,52%	5.775	1586,54%
2	Đầu tư phương tiện, thiết bị	Tr đồng	7.198	27.900	3.213	11,52%	-204	-2,83%

Tổng kết năm 2018, sản lượng thông qua các bến cảng trực thuộc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ đạt 1.692.340 tấn, sự suy giảm -12.03% so với năm 2017 và đạt 77,59% Kế hoạch năm 2018; tuy nhiên, doanh thu của Cảng Cần Thơ có tốc độ suy giảm chậm hơn, chỉ giảm nhẹ -2.65% so với năm 2017, đạt 98,973 tỷ đồng; đạt 83,87% kế hoạch năm 2018. Bên cạnh đó, lợi nhuận gộp tăng đạt mức 110 triệu đồng, đạt mục tiêu hòa vốn của Công ty trong năm tài chính 2018. Đây chính là động lực để Cảng Cần Thơ tiếp tục nỗ lực hoạt động trong năm 2019 sắp tới.

Ngoài ra, hoạt động chính của Cảng Cần Thơ trong năm 2018 không có sự thay đổi nhiều so với 2017, mảng cung cấp dịch vụ vẫn là mảng chính, chủ yếu đến từ việc kinh doanh khai thác cảng, ngoài ra, mảng cung cấp dịch vụ xếp dỡ ngoài cảng, các dịch vụ hàng hải, kinh doanh xăng dầu và mua bán hàng hóa cũng góp phần vào doanh thu chung của công ty.

Công ty trong năm cũng đã kiểm soát tốt mức chi phí hoạt động của mình, do đó, phần lớn các chi phí đều giảm Tổng chi phí của Cảng Cần Thơ giảm -2,75% so với năm 2017.

**2. Tổ chức và nhân sự/ Organization and Human resource****2.1. Danh sách Ban điều hành/ List of the Board of Directors:**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.259.200	29%
2	Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc	2.300	0,01%
3	Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc	3.200	0,01%
4	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng	2.600	0,01%

SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

1. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	
Năm sinh	11/02/1966
Nơi sinh	Tp. Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển, Trung cấp Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	8.259.200
2. Ông Lê Tiến Công – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	10/12/1971
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.300
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
3. Ông Tạ Khả Duy – Phó Tổng Giám đốc	
Năm sinh	22/05/1963
Nơi sinh	Hưng Yên
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	3.200



Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
4. Ông Lâm Trúc Sơn – Kế toán trưởng	
Năm sinh	03/03/1967
Nơi sinh	Sóc Trăng
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	2.600
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành/ Changes in the Board of Management:

Ông Nguyễn Văn Dục, Phó Tổng giám đốc nghỉ hưu từ ngày 01/01/2018.

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ trên Đại học	5	2,91%
2	Trình độ Đại học	80	46,51%
3	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp	12	6,98%
4	Công nhân kỹ thuật	64	37,21%
5	Trình độ khác	11	6,40%
6	Tổng cộng	172	100%

2.4. Chính sách đối với người lao động

Chính sách nhân sự

- Với chức năng ổn định nguồn nhân lực nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng lao động một cách tốt nhất để đảm bảo thực hiện mục tiêu doanh nghiệp, Cảng Cần Thơ từng bước thực hiện công tác tuyển dụng đi vào nề nếp và quy chuẩn. Thông qua công tác tuyển dụng lao động, năm 2018 doanh nghiệp thực hiện tuyển dụng 35 vị trí (trong đó: đối với nhân viên chuyên môn nghiệp vụ tổ chức thông báo tuyển dụng, xét duyệt hồ sơ, hội đồng tuyển dụng phỏng vấn, test kỹ năng ứng viên và chấm điểm, đối với nhân viên trực tiếp liên hệ với các Trường dạy nghề kỹ thuật để thực hiện tuyển dụng) qua đó Công ty đã tuyển dụng được những nhân viên có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao,



phù hợp với yêu cầu công tác cho từng vị trí. Ngoài ra Công ty còn chủ động liên kết với các trường dạy nghề kỹ thuật trong khu vực để tuyển chọn những học viên kỹ thuật đạt kết quả cao trong học tập nhằm bổ sung vào đội ngũ công nhân trực tiếp tại Công ty.

- Trong công tác xây dựng các quy chế và nội quy, Công ty luôn cập nhật kịp thời các chính sách pháp luật của Nhà nước để củng cố và dự thảo sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, nội quy của công ty nhằm đảm bảo phù hợp với từng thời điểm áp dụng, qua đó tăng cường việc thực hiện nghiêm kỷ luật lao động, ngoài ra các dự thảo sửa đổi, bổ sung còn khắc phục những hạn chế trong các nội quy, quy định trước đây.

- Nhằm cập nhật, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ khai thác cảng biển cho cấp quản lý, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trực tiếp sản xuất. Năm 2018, Cảng Cần Thơ đã cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên môn và đào tạo nghiệp vụ nâng cao cho 30 vị trí với tổng kinh phí thực hiện 41.427.000 đồng.

Chính sách tiền lương

- Trong năm 2018, tổng quỹ lương: Kế hoạch 18,7 tỷ đồng, thực hiện 14,3 tỷ đồng, hoàn thành 76,3%. Thu nhập bình quân 01 lao động/tháng: Kế hoạch năm 2018 là 8.9 triệu đồng/người/tháng, thực hiện là 7,6 triệu đồng/người/tháng, hoàn thành 86%.

- Năm vừa qua, công tác thực hiện chế độ lao động, tiền lương luôn được Cảng Cần Thơ quan tâm và thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo pháp luật lao động và quyền lợi của người lao động tại đơn vị. Công ty thực hiện chính sách khoán quỹ lương theo hiệu quả kinh doanh nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, phát huy sáng kiến và tích cực cải tiến lao động.

- Với vai trò vừa ổn định sản xuất doanh nghiệp vừa đảm bảo kinh tế đối với người lao động, trong thời gian tới Cảng Cần Thơ sẽ tiếp tục đánh giá và rà soát tính phù hợp của các quy chế, quy định trả lương do Cảng Cần Thơ ban hành để đảm bảo tính phù hợp với quy định của pháp luật theo từng giai đoạn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/Investment activities, project implementation

Trong năm 2018, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã đầu tư các hạng mục sau:

- Mua 03 xe đào bánh xích và 01 xe xúc lật bánh lốp loại đã qua sử dụng.
- Mua đấu giá 02 xe đầu kéo container và 01 xe ô tô Camry loại đã qua sử dụng.
- Đầu tư kho hàng tổng hợp từ kho CFS đã chuyển đổi công năng.
- Đầu tư 01 hệ thống băng truyền chuyên tải hàng hóa giá trị dự kiến thực hiện.

Tổng mức đầu tư là: 9.352.161.818 đồng



Các dự án đầu tư 01 xe xúc lật bánh lốp hiệu Furukawa FL305-3, đầu tư 01 somi romooc chuyên dụng tải trọng 45 tấn và đầu tư 02 cần cẩu Kone được thực hiện năm 2017, sang năm 2018 tiến hành nghiệm thu và đưa vào sử dụng.

3.1. Các khoản đầu tư lớn/ Major investments: Không

3.2. Các công ty con, công ty liên kết/ Subsidiaries, associated companies:

Cảng Cần Thơ đầu tư góp vốn tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn chiếm 50% vốn điều lệ công ty với tổng số tiền 4.497.251.573 đồng. Năm 2108, hoạt động của liên doanh Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn đã chia lãi về cho Cảng Cần Thơ 970.000.000 đồng đạt 38% so với cùng kỳ.

4. Tình hình tài chính/ Financial situation

4.1. Tình hình tài chính/ Financial situation

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2017	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. Đồng	378.769	385.657	2%
Doanh thu thuần	Tr. Đồng	96.855	96.803	0%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. Đồng	(1.488)	(507)	
Lợi nhuận khác	Tr. Đồng	1.273	617	-52%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	(215)	110	
Lợi nhuận sau trước thuế	Tr. Đồng	(215)	110	

- Các chỉ tiêu khác/ other figures: Không

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,54	1,32
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,52	1,31
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	30,68	31,63
	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	44,27	46,26



STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	90,92	102,56
	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,25	0,25
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	0,11
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	0,04
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	0,03
	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-	-

Khả năng thanh toán:

Các hệ số về khả năng thanh toán của đơn vị trong năm 2018 đều giảm so với năm 2017. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,54 lần xuống còn 1,32 lần; hệ số thanh toán nhanh từ 1,52 lần giảm còn 1,31 lần. Nguyên nhân là do trong năm 2018, chỉ tiêu nợ ngắn hạn và tài sản ngắn hạn đều tăng so với năm trước. Tuy nhiên, tài sản ngắn hạn tăng hơn 2,5 tỷ đồng trong khi nợ ngắn hạn tăng đến hơn 8,7 tỷ đồng. Chỉ số thanh toán ngắn hạn vẫn ở mức lớn hơn 1 cho thấy hiện tại khả năng trả nợ của công ty vẫn còn ở mức tốt. Ngoài ra, chỉ số thanh toán nhanh nhỏ hơn chỉ số thanh toán ngắn hạn nhưng mức chênh lệch không nhiều ($1,31 < 1,32$) cũng cho thấy rằng tài sản ngắn hạn của doanh nghiệp không phụ thuộc quá nhiều vào hàng tồn kho.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:

Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn trong năm đều thay đổi so với năm 2017. Tuy nhiên mức thay đổi này không nhiều, Hệ số nợ/Tổng tài sản tăng từ 30,68% lên 31,63% và Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 44,27% lên 46,26%. Tài sản của cảng Cần Thơ phần lớn được tài trợ từ nguồn vốn chủ sở hữu, trong năm 2018 cũng không tiến hành vay thêm nợ để đầu tư, mua sắm tài sản.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu đánh giá năng lực hoạt động năm 2018 của công ty không có thay đổi nhiều so với năm 2017. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho chỉ tăng từ mức 90,92 vòng lên 102,56 vòng. Do hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển nên hệ số vòng quay hàng tồn kho của công ty cũng không mang nhiều ý nghĩa trong việc đánh giá năng lực hoạt động. Chỉ tiêu Doanh thu thuần/Tổng tài sản vẫn ở mức 0,25, điều này cho thấy trong năm, 1 đồng tài sản của công ty có thể tạo ra 0,25 đồng doanh thu. Do đặc thù ngành nghề kinh



doanh, khoản mục đầu tư cho tài sản thường có giá trị lớn nên vòng quay tổng tài sản của công ty thường không cao.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:

Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của công ty năm 2018 có sự tăng nhẹ so với năm 2017. Mặc dù các hệ số Lợi nhuận sau thuế trên Doanh thu thuần, Vốn chủ sở hữu và Tổng tài sản còn ở mức khá nhỏ nhưng cũng cho thấy công ty đã bắt đầu ổn định được hoạt động và kinh doanh có lãi.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Shareholders structure, change in the owner's equity.

5.1. Cổ phần/Shares:

Vốn điều lệ: 284.800.000.000 đồng

Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 24.480.000 cổ phiếu

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cổ phiếu thường: 24.480.000 cổ phiếu

Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 24.480.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

5.2. Cơ cấu cổ đông/Shareholders structure:

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TẠI NGÀY 31/12/2018

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	102	28.467.000	99,95
	- Tổ Chức	02	28.210.500	99,05
	- Cá nhân	100	256.500	0,90
2	Cổ đông nước ngoài	08	13.000	0,05
	- Tổ chức	-	-	-
	- Cá nhân	08	13.000	0,05
	Tổng cộng	110	28.480.000	100

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN**

<i>Tên tổ chức/ cá nhân</i>	<i>Số CMND/Hộ chiếu/ĐKKD</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Tỷ lệ/VĐL (%)</i>
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam	0100104595	Số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	28.208.500	99,05

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/ Change in the owner's equity: Không.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ/ Transaction of treasury stocks: Không.

5.5. Các chứng khoán khác/ Other securities: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/ Report related impact of the Company on the environment and society

- Trong năm 2018, vào những tháng mưa, lượng nước khá lớn, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ú đọng gây ô nhiễm môi trường, đơn vị đã thực hiện công tác quản lý vệ sinh môi trường được triển khai như: thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hố ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình. Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLĐ, mạng lưới ATVSV, trường kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.

- Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

- Hoạt động kinh doanh tại cảng bao gồm bốc xếp, vận tải, lưu và cho thuê kho bãi, cung ứng xăng dầu,... nên nguồn nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu là xăng, dầu, nhớt dùng cho vận hành máy móc thiết bị và các hóa chất, công cụ dùng để vệ sinh nhà kho, bến bãi.



- Công ty luôn chú trọng công tác quản lý nguồn nguyên vật liệu nhằm sử dụng hiệu quả chi phí hoạt động. Đối với các hóa chất và nhiên liệu hóa thạch sau quá trình sử dụng, công ty có quy trình xử lý thích hợp tránh gây ô nhiễm môi trường xung quanh.

6.2. Tiêu thụ năng lượng/ Energy consumption:

Điện năng được Công ty sử dụng cho việc chiếu sáng tại các kho, điện văn phòng, hệ thống làm mát. Các nguồn nguyên liệu hóa thạch như xăng, dầu, nhớt được dùng để vận hành các máy móc, thiết bị chuyên dùng. Quá trình sử dụng các năng lượng này là nguyên nhân dẫn đến ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu. Do đó, Công ty đã có những chính sách hợp lý như: đưa ra định mức sử dụng, chi phí sử dụng phù hợp, tìm kiếm các loại năng lượng sạch, thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu việc sử dụng các loại năng lượng này.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

Công ty sử dụng nước để phục vụ cho việc vệ sinh kho bãi, sinh hoạt tại văn phòng, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/ Compliance with the law on environmental protection:

Công tác bảo vệ môi trường được Cảng Cần Thơ thực hiện rất nghiêm chỉnh. Trong năm 2018, Công ty không có trường hợp nào vi phạm về pháp luật bảo vệ môi trường

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động/ Policies related to employees

Chính sách đãi ngộ nhân sự:

- Ý thức được con người là nhân tố nền tảng cho sự phát triển bền vững của công ty, Cảng Cần Thơ có các chính sách thu hút nhân tài để ngày càng có nhiều nhân viên giỏi, công nhân lành nghề làm việc cho Công ty. Đối với đội ngũ nhân viên lâu năm, Công ty thường xuyên tổ chức bầu chọn nhưng công nhân có đủ trình độ, năng lực vào các chức vụ lãnh đạo Công ty. Bố trí các cán bộ quản lý phân xưởng vừa giỏi chuyên môn vừa có trình độ quản lý trên cơ sở qui định rõ trách nhiệm và quyền hạn một cách cụ thể.

Chính sách lương thưởng:

Áp dụng chính sách lương theo kết quả sản xuất kinh doanh nhằm động viên, khuyến khích người lao động, trên cơ sở đó nâng cao hiệu quả kinh doanh của các đơn vị cơ sở. Tiếp tục khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên năng động và sáng tạo, phát huy tính tích cực trong kinh doanh, thực hiện hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, người lao động và cổ đông Công ty. Có chính sách trả lương xứng đáng với công hiến để thu hút nhân tài ở những vị trí tác nghiệp và quản lý then chốt cần thiết.

Chính sách đào tạo:



Khi mới được tuyển dụng làm việc tại Cảng Cần Thơ, người lao động đều được đào tạo những vấn đề cơ bản về quy trình làm việc của bộ phận ứng tuyển và hoạt động chung của toàn công ty. Công nhân có đủ năng lực sẽ được công ty tạo điều kiện cập nhật thêm kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu kinh doanh của công ty. Công tác đào tạo nguồn lực và bồi dưỡng trình độ cho đội ngũ cán bộ quản lý được tăng cường, nâng cao tinh thần trách nhiệm thông qua chính sách trả lương và khen thưởng hợp lý.

Chính sách phúc lợi:

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các chế độ Bảo hiểm theo đúng quy định của Nhà nước đối với người lao động đã ký hợp đồng từ 01 năm trở lên. Đối với các trường hợp cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ ốm, nghỉ thai sản hoặc trong thời gian điều trị do tai nạn lao động thì ngoài các chế độ do cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả, Cán bộ công nhân viên còn được Công ty hỗ trợ một phần nhằm chia sẻ và giảm bớt gánh nặng tài chính. Vào những dịp đặc biệt như lễ Tết, Công ty còn tổ chức tặng quà cho cán bộ công nhân viên tại các chi nhánh và tại nơi làm việc của người lao động.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Ngoài mục tiêu chủ yếu là lợi nhuận của Công ty, Cảng Cần Thơ thường xuyên duy trì các hoạt động vì cộng đồng nhằm chia sẻ một phần lợi nhuận của Công ty cho sự phát triển của xã hội bằng các hoạt động thiết thực như: quyên góp quỹ hỗ trợ, thăm hỏi và trao quà cho các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn hoạt động của Công ty,...

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/ Green capital market activities under the guidance of the SSC.

Hiện tại, Công ty không có các dự án phát triển thị trường vốn xanh, tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động Cảng Cần Thơ sẽ chú trọng đến công tác sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm cho môi trường trong quá trình hoạt động. Đồng thời, Cảng Cần Thơ sẽ tham gia tích cực các hoạt động tuyên truyền, khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, tài trợ các dự án nghiên cứu phát triển năng lượng xanh theo chính sách chung của đất nước.



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Report and assessment of the Board of Management

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/ Assessment of operating results:

Qua một năm nỗ lực phấn đấu của Ban lãnh đạo Công ty cùng với sự đóng góp của tập thể CBCNV, người lao động đã giúp Cảng Cần Thơ vượt qua những khó khăn, thách thức: vừa tập trung bảo đảm ổn định sản xuất kinh doanh, vừa tiến hành điều chỉnh và khắc phục dần những hạn chế tồn tại cho phù hợp với mô hình quản trị mới mà mục tiêu tái cơ cấu đề ra. Tuy thành quả đạt được còn khá khiêm tốn, chỉ mới đạt ở mức tăng trưởng nhẹ so với thực hiện năm trước. Nhưng điều quan trọng hơn là Công ty đã xác định được hướng đi đúng và những giải pháp cần phải tiếp tục thay đổi, điều chỉnh, vận hành ngày càng nâng cao hơn để thích nghi với môi trường kinh doanh và phù hợp với điều kiện thực tế của cảng. Từ đó, tạo nền tảng vững chắc cho việc chuẩn bị các nguồn lực để thực hiện và hoàn thành các mục tiêu kế hoạch SXKD năm 2019 và những năm tiếp theo.

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ qua nhiều năm hình thành và phát triển đã tạo dựng được tên tuổi trong ngành khai thác cảng, các khách hàng truyền thống của Công ty bao gồm nhiều loại hình doanh nghiệp đa dạng trong nước và nước ngoài, là đơn vị duy nhất có khả năng bóc dỡ các thiết bị siêu trường, siêu trọng tại Đồng bằng sông Cửu Long, đơn cử như: dự án cầu Cần Thơ, dự án nhà máy điện gió Bạc Liêu, dự án nhà máy khí điện đạm Cà Mau, dự án nhà máy Nhiệt điện Ô Môn,...

Năm 2018, Công ty đã gặp những khó khăn về biến động giá trên thị trường, thay đổi chính sách hải quan của Nhà nước, tình hình thời tiết, quá trình tái cơ cấu... . Tuy nhiên, Công ty đã hoàn thành mục tiêu năm 2018, đồng thời, các chỉ tiêu kinh doanh tăng trưởng khá khả quan, cụ thể:

TT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T. hiện 2017	NĂM 2018			+/- TH 2018/2017	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
1	Sản lượng							
	Hàng thông qua	TTQ	1.923.664	2.181.000	1.692.340	77,59%	-231.324	87,97%
	Trong đó Container	TEUS	12.703	17.000	12.792	75,25%	89	100,70%
2	Doanh thu	Tr đồng	101.463	119.000	98.973	83,17%	-2.691	97,35%
3	Chi phí	“	101.678	118.000	98.863	83,78%	-2.742	97,30%
4	Lợi nhuận	“	-215	1.000	110			
5	Ebitda	“	21.528	24.192	14.386	59,47%	-7.142	66,82%



Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ năm 2018 có sự suy giảm so với năm 2017 (giảm 12,03%) do Trung Quốc tiếp tục đóng cửa đối với hàng gạo xuất tiêu ngạch; Mặt hàng clinker suy giảm do có sự dịch chuyển từ Cảng Cái Cui về Cảng Vinalines Hậu Giang. Tuy nhiên sản lượng hàng hóa thông qua các bến cảng biển trực thuộc Cảng Cần Thơ vẫn có sự tăng trưởng tốt, trong đó sự đóng góp một phần sản lượng từ Cảng Sóc Trăng đã tạo nguồn doanh thu ổn định bù đắp nguồn doanh thu thiếu hụt từ khu vực Vàm Cái Sắn.

Cơ cấu hàng hóa thông qua các bến cảng có sự biến động lớn từ nhiều nguyên nhân cả khách quan và chủ quan. Nhiều mặt hàng chủ lực của cảng có biến động sản lượng giảm lớn như clinker, gạo, cám, thức ăn gia súc, thiết bị và vật liệu xây dựng tại Cảng Cái Cui do các yếu tố thị trường (hàng hóa suy giảm, khách hàng di dời kho) và môi trường. Đứng trước biến động lớn của hàng hóa thông qua cảng, Cảng Cần Thơ đã nỗ lực tiếp thị, duy trì thị phần đối với các mặt hàng truyền thống của cảng; đeo bám và phát triển các mặt hàng có giá trị dịch vụ cao như hàng phân bón, sắt thép, container, đồng thời phát triển các cung cấp các dịch vụ chuỗi logistics đến khách hàng để tạo nguồn doanh thu mới, bù đắp sự thiếu hụt doanh thu từ sản lượng suy giảm. Cụ thể như sau:

a) Một số mặt hàng biến động sản lượng do yếu tố thị trường như:

- Mặt hàng gạo tiêu ngạch suy giảm mạnh do thị trường Trung Quốc đã chuyển từ xuất tiêu ngạch sang xuất chính ngạch; nên lượng hàng hóa xuất bằng tàu suy giảm mạnh, có ít tàu xuất trực tiếp, chủ yếu là hàng xuất bằng container (đây là các hình thức Cảng Cần Thơ chưa có thể mạnh do chưa có bến cứng và dịch vụ hải quan còn chưa linh động).
- Mặt hàng thức ăn gia súc cũng suy giảm mạnh do khách hàng đã chuyển hình thức nhập hàng về trực tiếp kho doanh nghiệp để tiết giảm chi phí và trả kho tại cảng.
- Mặt hàng thiết bị suy giảm chủ yếu do dự án Cầu Vàm Cống đã hoàn thành trong năm 2017 và dự án nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu đã cơ bản hoàn thành việc nhập phần lớn thiết bị trong năm 2017; sản lượng còn lại trong năm 2018 không nhiều; các dự án khác như các dự án điện gió chậm triển khai so với tiến độ dự kiến vào cuối năm 2018;

b) Các mặt hàng giảm do chia sẻ thị phần

- Mặt hàng clinker có sự suy giảm mạnh giảm khoảng 156.000 tấn (tương đương giảm khoảng 37,24%) chủ yếu do sản lượng clinker tại Cảng Cái Cui đã dịch chuyển về Cảng Vinalines Hậu Giang;

c) Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt trong năm 2017, sang năm 2018 sản lượng hàng phân bón tiếp tục có sự tăng trưởng tốt (tăng 40,5% so với năm 2017) do Cảng Cần Thơ đã giữ vững và tiếp tục tạo lòng tin cho các khách hàng truyền thống; đồng thời Cảng Cần Thơ đã thực hiện việc tiếp thị tổ chức xếp dỡ được một lô hàng phân



xá nhập khẩu đóng bao tại Cảng Hoàng Diệu và xuất đi Campuchia; tuy nhiên do vấn đề thủ tục hải quan chưa thuận lợi nên khách hàng tạm dừng triển khai dịch vụ này. Đây là nhóm mặt hàng có giá trị dịch vụ tương đối cao; các cảng trực thuộc Cảng Cần Thơ và nhất là khu vực Cảng Hoàng Diệu đang có lợi thế về mặt hàng này, Cảng Cần Thơ đang nỗ lực để phát triển bến cảng Hoàng Diệu thành Tổng kho phân bón khu vực ĐBSCL.

- Mặt hàng sắt thép, phế liệu thông qua cảng tiếp tục có sự tăng trưởng tốt (tăng 43,93% so với năm 2017); Cảng Cần Thơ đã mở rộng thêm bãi cho thuê chứa mặt hàng này tại Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui qua đó tạo nguồn hàng và doanh thu ổn định cho đơn vị; ngoài ra, Cảng Cần Thơ đã tham gia cung cấp dịch vụ bốc xếp vận chuyển trọn gói từ kho khách hàng đến cảng và ngược lại đối với hàng thép thành phẩm, thép phôi cho khách hàng tại KCN Trà Nóc. Đây là nhóm mặt hàng có nhiều phân khúc dịch vụ tuy nhiên Cảng Cần Thơ hiện tại chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu khách hàng; Cảng Cần Thơ sẽ nỗ lực để tham gia sâu hơn vào chuỗi dịch vụ của khách hàng.
- Mặt hàng than đá có sự tăng trưởng tốt tại khu vực Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui góp phần vào sự tăng trưởng chung của mặt hàng này (tăng 23,53%) so với cùng kỳ năm 2017. Sự tăng trưởng chủ yếu do khách hàng nhập hàng phục vụ hoạt động sản xuất của các nhà máy và tham gia cung cấp dịch vụ tại các nhà máy nhiệt điện trong vùng ĐBSCL.
- Hoạt động gom vét than tại nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải năm 2018 tiếp tục duy trì ổn định, tạo nguồn doanh thu ổn định cho cảng.

2. Tình hình tài chính/ Financial Situation

2.1. Tình hình tài sản/ Assets

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	Tr.đồng	65,708	63,129	104%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	Tr.đồng	9,131	23,413	39%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	8,787	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	Tr.đồng	41,849	37,122	113%
IV. Hàng tồn kho	Tr.đồng	720	790	91%
V. Tài sản ngắn hạn khác	Tr.đồng	5,220	1,804	289%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	Tr.đồng	319,950	317,129	101%
I. Các khoản phải thu dài hạn	Tr.đồng	120	160	75%



Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
II. Tài sản cố định	Tr.đồng	237,752	239,566	99%
III. Bất động sản đầu tư	Tr.đồng	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	Tr.đồng	74,586	70,956	105%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	Tr.đồng	4,497	4,497	100%
VI. Tài sản dài hạn khác	Tr.đồng	2,995	1,949	154%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	Tr.đồng	385,658	380,258	101%

Cơ cấu tài sản của Cảng Cần Thơ năm 2018 bao gồm tài sản ngắn hạn 17,04% và tài sản dài hạn 82,96%. Tổng tài sản trong năm tăng 1%, trong đó, tài sản dài hạn tăng 1% từ 317 tỷ đồng lên 319 tỷ đồng. Bên cạnh đó, tài sản ngắn hạn tăng từ 63 tỷ đồng lên 65 tỷ đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả/ Liabilities

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017	% tăng giảm
I. Nợ ngắn hạn	Tr.đồng	49,644	40,914	121%
Phải trả người bán ngắn hạn	Tr.đồng	4,391	1,454	302%
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Tr.đồng	10	25	42%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tr.đồng	967	868	111%
Phải trả người lao động	Tr.đồng	1,709	1,347	127%
Chi phí phải trả ngắn hạn	Tr.đồng	14	118	12%
Phải trả ngắn hạn khác	Tr.đồng	37,049	32,705	113%
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Tr.đồng	5,496	4,096	134%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr.đồng	8	301	3%
II. Nợ dài hạn	Tr.đồng	72,334	75,774	95%
Phải trả dài hạn khác	Tr.đồng	21,192	22,633	94%
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	Tr.đồng	51,142	53,142	96%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	Tr.đồng	263,680	263,570	100%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	Tr.đồng	385,658	380,258	101%



Tổng nợ năm 2018 tăng 5% do công ty phải thanh toán các khoản nợ ngắn hạn. Tổng nợ phải trả trong năm không biến động nhiều, đạt khoảng 121 tỷ đồng. Bên cạnh đó, VCSH tăng 1%, đạt 385 tỷ đồng.

3. Những cải tiến trong năm 2018

- Tổng hợp kết quả SXKD, lập báo cáo kế toán thống kê được rút ngắn về mặt thời gian (ngày 15 hàng tháng có kết quả SXKD của tháng trước), từng bước chuyên sâu công tác phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh (tính hợp lý giữa Doanh thu – Chi phí – Lợi nhuận) góp phần vào quá trình kiểm soát thực hiện kế hoạch của Công ty.
- Công tác bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn cho người lao động được chú trọng: công ty tổ chức tập huấn vận hành máy móc, thiết bị cho người lao động; đào tạo nghiệp vụ khai thác cảng và giao nhận hàng hóa, tập huấn an toàn lao động, tập huấn chuyên môn...
- Với phương châm nâng cao hiệu quả khai thác thiết bị, tận dụng tối đa nguồn lực sẵn có của đơn vị, bộ phận kỹ thuật đã rà soát đánh giá lại ưu điểm và phân loại thiết bị để đáp ứng cho từng loại hàng, đồng thời đánh giá, phân tích tiềm năng cơ cấu mặt hàng của từng chi nhánh, để từ đó có chiến lược luân chuyển thiết bị giữa các chi nhánh và phân bổ thiết bị hợp lý, việc làm này đã làm giảm chi phí thuê thiết bị ngoài trong năm so với năm trước là khoảng 2,4 tỷ đồng.
- Nhận thấy sự lạc hậu về thiết bị bốc xếp là một trong những khó khăn của đơn vị trong việc tiếp thị, thu hút khách hàng. Chính vì vậy với chiến lược xây dựng Cảng Cần Thơ trở thành cảng trọng tâm của khu vực, chuyên nghiệp, hiện đại, trong năm đã tham gia đấu thầu mua các tài sản chủ yếu phục vụ hoạt động vận chuyển, lưu kho.
- Để góp phần tiếp thị quảng bá thương hiệu Cảng Cần Thơ và chỉnh trang lại mặt tiền Cảng, trong năm đã thực hiện cải tạo Cửa hàng xăng dầu kết hợp với siêu thị Mini thay cho các Kiot nhỏ lẻ, đã cũ không đảm bảo mỹ quan.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/ Development plans in the future

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T. hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tăng trưởng 2019/2018	
					Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG					
1	Hàng thông qua	TTQ	1.692.340	2.076.354	384.014	122,69%
	Trong đó Container	TEUs	12.792	15.145	2.353	118,39%



STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T. hiện 2018	Kế hoạch 2019	Tăng trưởng 2019/2018	
					Giá trị	Tỷ lệ
2	Xăng Dầu	Lít	1.043.211	1.353.000	309.789	129,70%
B	TÀI CHÍNH					
1	Doanh thu	Tr.đồng	98.973	119.000	20.027	120,23%
2	Chi phí	Tr.đồng	98.863	114.000	15.137	115,31%
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	110	5.000	4.890	4545,45%
C	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	Tr.đồng	9.352	21.270	11.918	227,44%
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	Tr.đồng	6.139	2.800	-3.339	45,61%
2	Đầu tư phương tiện, thiết bị	Tr.đồng	3.213	18.470	15.257	574,85%

Với những mục tiêu được đặt ra trong năm 2019, để tiếp tục nâng cao hiệu hoạt động sản xuất kinh doanh, Cảng Cần Thơ thực hiện 05 giải pháp cơ bản trong tổng thể nhiều giải pháp để phân đầu hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như sau:

a) Giải pháp quản trị

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu bộ máy Văn phòng Công ty theo hướng tách Phòng Tổng hợp thành 03 phòng: Phòng Kinh doanh Khai thác, Phòng Kỹ thuật Công nghệ và Phòng Tổ chức - Tiền lương và Hành chính để tạo điều kiện thuận lợi, sự chủ động và quy định trách nhiệm cụ thể gắn với cá nhân trong việc triển khai, quản lý các hoạt động chuyên môn thuộc lĩnh vực phụ trách của phòng.
- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty; thúc đẩy ban hành các quy định, quy trình vận hành khai thác cảng kết hợp đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua việc xây dựng và triển khai chỉ tiêu KPI và BSc của doanh nghiệp trong quý II/2019.
- Tiếp tục làm việc với phía Công ty TNHH Xây dựng và khảo sát công trình Thanh Tuấn để hoàn thành việc chuyển đổi người đại diện phần vốn của Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn.
- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc:
 - + Cải thiện môi trường làm việc theo hướng an toàn, khoa học; quan tâm nâng cao thu nhập, chế độ, chính sách đãi ngộ cho người lao động, nhất là các lao động chất lượng



cao; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì tập thể công ty và cho xã hội.

- + Xây dựng bộ tiêu chí ứng xử của người lao động trong quá trình làm việc, giao tiếp với khách hàng tại cảng và đến làm việc với khách hàng nhằm tạo ấn tượng về hình ảnh của cảng; thực hiện mục tiêu “Mỗi người lao động là một nhà tiếp thị của công ty”.
- + Đưa các tiêu chuẩn giá trị cốt lõi: “Kỷ luật, tận tâm, chuyên nghiệp, sáng tạo, đồng lòng” vào các đánh giá chất lượng nguồn lao động của doanh nghiệp hàng tháng, quý năm. Định kỳ tổ chức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành các tiêu chí đánh giá nêu trên.
- + Thường xuyên tuyên truyền các giá trị văn hóa doanh nghiệp: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi,... đến mọi cán bộ, công nhân viên trong công ty và các đối tác, khách hàng của cảng thông qua nhiều hình thức như sổ tay, bản tin, brochure, website, các buổi Team-building, các hội thi thể thao, sáng tác,...
- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp phần mềm quản lý hàng hóa tại cảng để giảm thời gian nhập liệu, tạo thuận lợi cho việc kiểm soát các chỉ tiêu khai thác cảng, các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu để phục vụ mục tiêu đánh giá kết quả hoạt động SXKD từng ngày, tuần, tháng, quý năm của Hội đồng quản trị và Ban Điều hành; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc báo cáo thường kỳ của doanh nghiệp. Kết nối, đẩy tự động dữ liệu thông tin hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan từ phần mềm khai thác cảng qua hệ thống giám sát hải quan điện tử của Tổng cục Hải quan. Khai thác tốt cơ sở dữ liệu và báo cáo thông minh từ Phần mềm hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thông minh (MIS-BI) của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam phục vụ cho công tác thị trường và khai thác cảng.
- Tiếp tục kiện toàn các quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của cảng, tiến tới xây dựng quy trình vận hành chuẩn (SOP – Standard Operating Procedure) trong quản lý và khai thác cảng.

b) Giải pháp về kinh doanh - khai thác

- Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Xác định nhóm các mặt hàng, khách hàng chủ lực có sản lượng lớn có nhu cầu sử dụng dịch vụ cảng để tập trung khai thác, xây dựng chính sách linh hoạt về giá cả với từng khách hàng theo đơn vị sản lượng để giữ vững thị phần đặc biệt là đối với mặt hàng Gạo cả xuất khẩu và nội địa.
- Khai thác tốt nhất tài sản: hệ thống kho, bãi, văn phòng và trang thiết bị xấp dỡ của doanh nghiệp để tạo nguồn doanh thu ổn định cho đơn vị. Tiếp tục triển khai chính sách hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các đối tác để đầu tư kho, bãi. Xây dựng phương án khai thác dài hạn các phần đất tại vị trí thuận lợi, có giá trị thương



mai cao như phần đất mặt tiền Cảng Hoàng Diệu nhằm mang lại nguồn doanh thu lớn hơn cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường công tác điều chuyển, tăng cường phương tiện thiết bị giữa các chi nhánh nhằm tận dụng tối đa năng lực phương tiện thiết bị.
- Phát huy hiệu quả việc khai thác depot container hợp tác với hãng tàu VIETSUN tại Cảng Cái Cui, tiếp tục mở rộng tại Cảng Hoàng Diệu và các khu vực tiềm năng khác để duy trì chuỗi dịch vụ container thông qua cảng.
- Phát triển mảng dịch vụ logistics của Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng nhằm hỗ trợ các cảng mở rộng chuỗi dịch vụ; trước mắt tập trung vào việc liên doanh liên kết khai thác dịch vụ vận tải đường bộ và đường thủy nội địa để bước đầu xây dựng thị trường trong điều kiện cảng chưa thể đầu tư đủ phương tiện vận tải.
- Tiếp tục phát triển mảng dịch vụ kinh doanh xăng dầu, nhớt, dịch vụ hàng hải; phát triển tại khu vực Cảng Sóc Trăng và mở rộng cung cấp dịch vụ các tại khu vực khai thác của cảng.
- Phát triển các dịch vụ mới như hợp tác kinh doanh các sản phẩm thương mại có liên quan đến hoạt động của cảng như công cụ dụng cụ xếp dỡ.
- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, xây dựng hệ thống thu thập, quản lý thông tin về khách hàng và các chuỗi logistics thông qua cảng và khu vực để tìm cách tiếp cận, tham gia cung cấp dịch vụ;
- Xây dựng đội Sales container của cảng kết hợp với các hãng tàu, forwarder để phát huy tối ưu lợi thế của việc hợp tác theo chuỗi để tiếp cận khách hàng
- Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để thiết lập các chuỗi dịch vụ khép kín với nguồn hàng hoá giao dịch tuyến vận tải Bắc – Nam mà nguồn hàng hoá thương mại có điểm đến và đi từ cảng Cần Thơ nói riêng và ĐBSCL nói chung.
- Tiếp tục triển khai tiếp thị để cung cấp các dịch vụ mới tại các bến cảng như: Dịch vụ đóng bao hàng rời, dịch vụ nhận uỷ thác giao nhận hàng hoá gửi kho cảng, từng bước đàm phán với khách hàng để cung cấp các dịch vụ tại kho cảng mà trước đây cảng không đủ điều kiện đã giao cho khách hàng tự làm.
- Xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và mở rộng thị trường dịch vụ tại các địa bàn Duyên Hải Trà Vinh, Cảng Sóc Trăng và dịch vụ chuyển tải tại các khu vực khác.
- Tiếp tục phát huy thương hiệu trung tâm phân bón của Cảng Hoàng Diệu để tập trung tiếp thị khách hàng, xây dựng chuỗi dịch vụ tối ưu nhằm phát triển thành tổng kho phân bón phân phối cho toàn khu vực và gia công đóng bao tái xuất đi Campuchia.
- Tích cực tiếp thị, củng cố năng lực của đơn vị để tham gia đấu thầu hoặc cung cấp dịch vụ tại các nhà máy, công trình lớn trong khu vực ĐBSCL và cả nước. cung cấp dịch



vụ phục vụ các công trình ngoài cảng, nhất là các dịch vụ tại các dự án, công trình lớn trên địa bàn;

c) Giải pháp nguồn nhân lực

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Xác định con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp theo từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch về nhu cầu lao động phù hợp, xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng lao động theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, chuyên ngành để nâng cao hiệu quả và chất lượng thích nghi với đòi hỏi của môi trường cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng cao.
- Tinh giảm bộ máy quản lý đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển cảng, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.
- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc.
- Làm tốt công tác đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ, công nhân viên; gắn việc trả công với năng suất, chất lượng lao động; thường xuyên rà soát nhu cầu, đánh giá trình độ lao động tại các đơn vị để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.
- Tiếp tục tổ chức đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ của các phòng chuyên môn; trong đó, chú trọng đào tạo nâng cao trình độ ngoại ngữ nhất là bộ phận kinh doanh, khai thác và chăm sóc khách hàng;
- Quan tâm đến công tác đào tạo, tập huấn nghiệp vụ đối với lực lượng lao động gián tiếp và lực lượng phục vụ sản xuất để tạo thuận lợi cho đơn vị trong việc luân chuyển lao động giữa các chi nhánh và giữa các khối lao động.

d) Giải pháp về tài chính

- Tích cực phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam làm việc với ngân hàng Vietinbank để xử lý khoản nợ, đưa doanh nghiệp thoát khỏi nhóm nợ xấu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc huy động nguồn vốn để đầu tư, sản xuất và tham gia đấu thầu cung cấp dịch vụ.
- Sớm ban hành quy chế quản trị rủi ro, rà soát xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các định mức về chi phí cho phù hợp điều kiện thực tế của công ty theo hướng tiết kiệm và không lãng phí.
- Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.



- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.
- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.
- Triển khai việc chuyển đổi sang phát hành hóa đơn điện tử tích hợp dữ liệu từ phần mềm khai thác cảng tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát hóa đơn và đồng bộ dữ liệu từ bản kê và dữ liệu tài chính.

e) Giải pháp về đầu tư

- Chọn lọc các hạng mục đầu tư đã được phê duyệt 2018 và dự kiến đăng ký đầu tư năm 2019 (đính kèm Bảng kế hoạch đầu tư năm 2019 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ). Trên cơ sở nguồn vốn, điều kiện kinh doanh, nhu cầu cấp bách để đầu tư theo nguyên tắc các hạng mục đầu tư bảo đảm hiệu quả và đưa vào khai thác tạo được nguồn thu sớm nhất.
- Nghiên cứu hợp tác khai thác thiết bị xếp dỡ, nhất là các thiết bị xếp dỡ lớn phục vụ hàng thiết bị dự án, hàng container tại Cảng Cái Cui.
- Ưu tiên các hạng mục đầu tư hiện nay do thiếu phương tiện thiết bị phù hợp cảng vẫn phải thuê ngoài làm như các sà lan đặt cầu nổi phục vụ xếp dỡ Gạo, Clinker tại khu vực Cái Sắn, các xe nâng hàng, băng tải làm hàng bao, kiện tại hệ thống kho cảng Hoàng Diệu và cảng Cái Cui cho các mặt hàng Cám thức ăn gia súc, Gạch men, Phân bón. Đồng thời đầu tư các phương tiện để tham gia cung cấp dịch vụ gom vét hàng hóa tại Duyên Hải và hệ thống camera giám sát hàng hóa tại khu vực chịu sự giám sát hải quan tại các cảng theo yêu cầu của cơ quan hải quan.
- Phối hợp với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để xây dựng giải pháp chuyển đổi chủ đầu tư Dự án xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp tục đầu tư xây dựng hoặc hợp tác đầu tư với đối tác có dự án phù hợp tại phần đất này.
- Tiếp tục tiếp thị, mời gọi các đối tác, khách hàng tham gia hợp tác đầu tư kho, bãi tại Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui để tạo chân hàng ổn định sau cảng; nhất là theo dõi sát để hợp tác đầu tư mở rộng tại phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui nằm trong phần diện tích quy hoạch Trung tâm logistics cấp II 242,4ha của Thành phố Cần Thơ.
- Tiếp tục tham gia đấu giá thuê phần diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng để thực hiện việc hoàn thiện các giấy chứng nhận đăng kiểm phương tiện, tài sản, kế hoạch PCCC kho.



5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - Không.*

6. *Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/ Assessment Report related to environmental and social responsibility of company*

6.1. *Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ Review concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions...).*

- Trong năm 2018, vào những tháng mưa, lượng nước khá lớn, để đảm bảo các hệ thống thoát nước, cống rãnh, kho bãi không bị ngập, ú đọng gây ô nhiễm môi trường, đơn vị đã thực hiện công tác quản lý vệ sinh môi trường được triển khai như: thường xuyên kiểm tra và thực hiện việc nạo vét hố ga, khơi thông đường cống rãnh, hệ thống thoát nước bên trong và khu vực xung quanh Cảng, các công trình phụ của nhà văn phòng làm việc. Ngoài ra còn thuê lao động công nhật thường xuyên quét, dọn vệ sinh đảm bảo giữ vệ sinh cho cầu cảng, đường nội bộ và quy định các bộ phận tự giữ gìn vệ sinh cho phòng, ban của mình. Hướng dẫn cán bộ chuyên trách ATLĐ, mạng lưới ATVSV, trưởng kho đảm bảo vệ sinh kho, bãi, hiện trường sản xuất.
- Giảm thiểu tiêu hao nguyên vật liệu, nhiên liệu gây hại cho môi trường. Bên cạnh đó, Công ty luôn tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, về an toàn – phòng tránh cháy nổ nhằm đảm bảo hạn chế những thiệt hại về người và tài sản trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra việc giữ gìn môi trường làm việc trong phạm vi Cảng; sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát quang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị.

6.2. *Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/ Review concerning the problems of workers*

- Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ luôn quan tâm tới vấn đề bảo vệ môi trường và bảo vệ sức khỏe của người lao động. Về công tác chăm sóc sức khỏe người lao động:
- Năm 2018 thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty tổng cộng 163 người; qua khám sức khỏe định kỳ không phát hiện bệnh nghề nghiệp liên quan đến hoạt động SXKD; (Loại I: 27 người, loại II: 60 người, loại III: 53 người, loại II: 23 người).
- Bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật thực hiện cho 69 công nhân lao động trực tiếp theo đúng tiêu chuẩn về công việc, số tiền hơn 60 triệu đồng;
- Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức cho người lao động tham gia học tập kết hợp tham quan nghỉ dưỡng và về nguồn tại Đà Nẵng, Trà Vinh, Phú Quốc, Bến Tre, Phú Hữu...



- Hơn thế nữa, Cảng Cần Thơ hằng năm có các hoạt động thiết thực nhằm góp phần chia sẻ với cộng đồng như: tổ chức đêm hội trăng rằm, tặng quà cho các trẻ em bị khuyết tật, các hoạt động về nguồn cũng được Công ty tổ chức nhằm nhớ ơn các anh hùng liệt sĩ đã hy sinh...

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)/Assessments of the Board of Management on the Company's operation (for joint stock companies)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2018 THỰC HIỆN:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018
1	Tổng tài sản	Đồng	385,657,765,660
2	Nợ phải trả	Đồng	121,977,775,915
3	Vốn chủ sở hữu	Đồng	263,679,989,745
4	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	0.03%
5	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	0.04%
6	Hệ số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	0.46

- Để có được kết quả hoạt động trên, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phải định hướng chiến lược rõ ràng đối với kế hoạch hoạt động trong năm và không ngừng triển khai các phương án theo dõi quản trị, cũng như kiểm soát chặt chẽ các yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quá trình hoạt động vận chuyển tại cảng. Qua đó, các công tác về quản lý kỹ thuật, quản lý nhân công, mua sắm máy móc thiết bị,... đều được thực hiện nhất quán, có hệ thống đạt hiệu quả cao góp phần giúp công ty hoàn tất kế hoạch sản xuất năm đã được định hướng.
- Năm qua, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty có nhiều điểm sáng rất tích cực. Chỉ tiêu doanh thu và cả lợi nhuận tuy không đạt như kỳ vọng đặt ra nhưng đã thể hiện hết sự nỗ lực, đoàn kết phấn đấu của tập thể Ban điều hành và toàn thể người lao động trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, đã đạt lợi nhuận lãi 110 tr.đồng. Theo đó, ROA và ROE lần lượt là 0,03% và 0,04%. Năm 2018, tài sản và vốn chủ sở hữu chỉ tăng ở mức tương đối 1% so với cùng kỳ năm 2017. Có thể thấy được, Công ty đang hoạt động hiệu quả, sử dụng tài sản và nguồn vốn tối ưu để đạt được những kết quả thành công trong năm.



2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty/Assessment of Board of Directors on Board of Management' performance

- Trước những khó khăn và thách thức về mọi mặt hoạt động, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ trong năm 2018 đã vô cùng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu giảm lỗ, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Tại các cuộc họp giao ban, Ban giám đốc Công ty Cảng Cần Thơ đã mời các Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách phụ trách các chi nhánh cùng tham dự để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các chi nhánh, cùng nhau thảo luận để đưa ra các phương án xử lý những tình huống khó khăn, bất lợi của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các chi nhánh hoạt động ổn định.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 của Cảng Cần Thơ tuy chưa đạt được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận có lãi. Với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, Cảng Cần Thơ tập trung vào các mặt hàng có sản lượng lớn, Tập trung giữ vững thị trường, giữ các khách hàng hiện có. Tìm kiếm và ký hợp đồng với các khách hàng mới nhằm bù đắp các mặt hàng bị giảm sản lượng, các chính sách đẩy mạnh công tác marketing, xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng đã giúp công ty có những bước phát triển phát triển thị trường khu vực Sóc Trăng – Duyên Hải và An Giang.
- Trong năm 2018, trước tình hình tài chính của Công ty còn nhiều hạn chế, Công ty đã chủ động kêu gọi hợp tác đầu tư nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị của đơn vị, công tác đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cũng được Ban giám đốc Công ty quan tâm kịp thời cung cấp thiết bị phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, Cảng Cần Thơ luôn quan tâm đến các chính sách nhân sự nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao, chế độ khen thưởng kịp thời để giữ chân người lao động, các khoản lương, thưởng, phụ cấp trong năm được đảm bảo đầy đủ, công tác hoạch định nguồn nhân lực đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn cho cán bộ công nhân viên được thực hiện nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.
- Tổng kết năm 2018, kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Cảng Cần Thơ đã đạt được những kết quả nhất định, mức lợi nhuận đã tăng trở lại, các mục tiêu được hoàn thành theo đúng định hướng đặt ra, Ban giám đốc Công ty đã đưa ra các chính sách quản trị kịp thời, hỗ trợ và tháo gỡ nhanh chóng các vấn đề tồn đọng. Đây chính là những động lực để Cảng Cần Thơ có những điều kiện thuận lợi phát triển trong năm 2019.
- Trong năm qua, Ban điều hành Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2018 đề ra. Ban điều hành Công ty Công ty luôn quan tâm đến công tác quản trị nội bộ, công tác đối ngoại, giám sát tình hình thực hiện và chỉ đạo kịp thời từng trường hợp, từng thời điểm, báo cáo, đưa ra các đề xuất quản trị quan trọng để Hội đồng quản



trị xem xét và đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế tối đa những bất lợi ảnh hưởng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/ Plans, orientations of the Board of Directors

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2019
1	Sản lượng	TTQ	2.076.354
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	119.000
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	5.000
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	5.000

CÁC BIỆN PHÁP HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

- Lấy khách hàng làm trung tâm, giữ vững thị trường, ưu tiên tập trung nguồn lực tài chính đầu tư thiết bị, phương tiện chuyên dùng để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh khác, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.
- Chủ động tìm kiếm đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động và đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh nhằm bù đắp những sản lượng hàng hóa đã mất.
- Tăng cường khuyến khích, tập huấn và đào tạo nâng cao kỹ năng, trình độ, tay nghề cho người lao động, đáp ứng yêu cầu về nguồn lực trong quá trình hoạt động. Có chính sách khen thưởng, tăng lương để nâng cao tinh thần làm việc, nâng cao trách nhiệm của cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chú trọng giải pháp bảo vệ môi trường và an toàn lao động. Nâng cao công tác phối hợp giữa các phòng ban và tạo sự đồng bộ trong các hoạt động.

Giải pháp quản trị

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã thực hiện được sau công tác tái cơ cấu, rà soát điều chỉnh, những mặt còn hạn chế, tái cấu trúc bộ máy nâng cao vai trò quản lý công ty mẹ - Cảng Cần Thơ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
- Rà soát, xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Cảng Cần Thơ. Đảm bảo các quy chế, quy định, quy trình tác nghiệp đã ban hành của Cảng Cần Thơ phù hợp với các quy định hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Cảng Cần Thơ, giúp cho mọi hoạt động của Cảng Cần Thơ luôn chặt chẽ, theo một quy trình đồng nhất, có phân cấp, phân công cụ thể, rõ ràng, được triển khai thực hiện nhanh chóng, chính xác, chuyên nghiệp, đạt hiệu quả cao và có cơ chế giám sát,



đánh giá, xử lý nhằm nâng cao uy tín, thương hiệu của Cảng Cần Thơ với đối tác, khách hàng.

- HĐQT, Ban Điều hành tăng cường công tác đôn đốc, kiểm tra, giám sát, đảm bảo tính công khai minh bạch trong quản trị và điều hành. Đưa các phần mềm Công nghệ thông tin vào quản lý khai thác Cảng. Đồng bộ và phát huy tính hiệu quả của các phần mềm quản lý khai thác Cảng nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản lý, khai thác cảng của Cảng Cần Thơ tuân theo một quy trình chuẩn; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khai thác đồng bộ, trích xuất nhanh chóng, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác báo cáo, quản trị, điều hành của Cảng Cần Thơ.
- Nêu cao tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.

Giải pháp về kinh doanh

- Tập trung vào nhóm các mặt hàng chủ lực có doanh số lớn, giữ vững thị trường, giữ các khách hàng hiện có. Duy trì sản lượng, doanh thu từng bước tạo ra thế mạnh cạnh tranh với các Cảng trong khu vực trên cơ sở tập trung vào các mặt hàng có doanh số lớn.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác marketing, đồng thời xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng, đưa ra các chính sách phục vụ tốt hơn đối với khách hàng cũ nhằm giữ được các khách hàng hiện có. Tìm kiếm và ký hợp đồng với một số khách hàng mới nhằm bù đắp các mặt hàng bị giảm sản lượng. Phát triển thị trường khu vực Sóc Trăng – Duyên Hải và An Giang cung cấp thêm một số dịch vụ mới theo yêu cầu của thị hiếu khách hàng nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tăng doanh thu, lợi nhuận.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác liên kết với các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam nhằm xây dựng được các dịch vụ trọn gói liên vùng để cung cấp cho khách hàng, đồng thời cải tiến phương thức phối hợp giữa các thành viên theo hướng các đơn vị góp dịch vụ trong chuỗi dịch vụ trọn gói để làm cơ sở tiếp thị đến khách hàng; trách nhiệm cung cấp dịch vụ và doanh thu của từng thành viên gắn với đoạn dịch vụ mỗi thành viên cung cấp trong chuỗi. Thêm nguồn thu cho mỗi đơn vị trong chuỗi liên kết và tăng thị phần, uy tín của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.
- Kêu gọi các nhà đầu tư bằng hình thức hợp tác, phát triển hạ tầng sản xuất kinh doanh với mục tiêu nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, tăng năng lực và thị phần khai thác mới nhằm tăng sản lượng, doanh thu, lợi nhuận của Cảng Cần Thơ..

Giải pháp về tài chính

- Xây dựng quy chế quản trị rủi ro, rà soát xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các định mức về chi phí cho phù hợp điều kiện thực tế của công ty theo hướng tiết kiệm và không lãng phí. Tăng cường giám sát, kiểm soát chi phí, giám sát và đánh giá hiệu quả vốn đầu tư.



- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn.
- Nâng cao chất lượng công tác kiểm soát nợ, thu hồi nợ nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.
- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Vinalines giải quyết nguồn vốn vay của Vietinbank Chương Dương.

Giải pháp nguồn nhân lực

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo: Xác định con người là nhân tố quyết định cho sự thành công của doanh nghiệp theo từng giai đoạn. Từ đó xây dựng kế hoạch về nhu cầu lao động phù hợp, xây dựng các biện pháp nâng cao chất lượng lao động theo hướng chính quy, chuyên nghiệp, chuyên ngành để nâng cao hiệu quả và chất lượng thích nghi với đòi hỏi của môi trường cạnh tranh trong kinh doanh ngày càng cao.
- Tinh giảm bộ máy quản lý đến mức hợp lý nhất có thể thông qua việc áp dụng các phần mềm quản lý và công nghệ thông tin. Nâng cao hiệu quả công tác quản trị nhân sự phục vụ cho nhu cầu phát triển cảng, thực hiện tốt việc bố trí, sắp xếp, điều chuyển lao động theo nhu cầu sử dụng và năng lực lao động nhằm kích thích tăng trưởng về năng suất lao động.
- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc.
- Thực hiện tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo đúng các quy định của Bộ luật lao động, Luật công đoàn về thực hiện các khoản trích nộp như: BHXH, BHYT, vv... chăm lo sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ hàng năm, trang bị bảo hộ lao động và thường xuyên quan tâm cải thiện môi trường làm việc của người lao động.



V. Quản trị công ty/Corporate governance

1. Hội đồng quản trị/ Board of Directors

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/Members and structure of the Board of Directors:

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	8.560.500	30,06%
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	5.699.200	20,01%
3	Phan Công Đức	Thành viên	5.702.200	20,02%
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	8.259.200	29%

Thay đổi HĐQT trong năm: không

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/The committees of the Board of Director: Không.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

1.3.1. Các cuộc họp của hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	22	100%	
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên	22	100%	
3	Phan Công Đức	Thành viên	22	100%	
4	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	22	100%	

- Trong năm 2018, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tiến hành tổ chức 22 cuộc họp, ban hành 23 Nghị quyết và 11 Quyết định. Thông qua nhiều nội dung quan trọng sau: Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019 và trình ĐHCĐ; thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2018; Các chủ trương đầu tư mua sắm thiết bị, hoạch định nguồn nhân lực, điều động bổ nhiệm cán bộ kịp thời nhằm mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

- Các phiên họp của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ trong năm 2018 được tổ chức theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Cần Thơ và tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.



- Các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của HĐQT vì lợi ích cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

- + Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Ban hành kế hoạch chương trình hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Thông báo, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công tác đối ngoại của HĐQT. Hỗ trợ Ban điều hành trong việc đưa ra giải pháp về sản xuất kinh doanh, tìm kiếm khách hàng, phát triển thị trường, chiến lược kinh doanh trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao.
- + Thành viên HĐQT chuyên trách đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành, có những đóng góp tích cực trong quá trình giám sát và chỉ đạo các vấn đề có liên quan kiểm soát, quản trị nội bộ, hỗ trợ Ban điều hành các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các chi nhánh.
- + Thành viên HĐQT, Quyền Tổng giám đốc Công ty đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Trực tiếp phụ trách, theo dõi, chỉ đạo, kết hợp với Ban điều hành tham mưu cho HĐQT các chiến lược về công tác sản xuất kinh doanh, tài chính kế toán, đưa ra các chính sách đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản theo đúng quy định nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

1.3.2. Các nghị quyết định, quyết định

Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
01	Số 01/NQ-HĐQT	12/01/2018	- Thông qua chủ trương đầu tư phương tiện phục vụ hoạt động gom vét hàng rời của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Thống nhất chấp thuận thuê đơn vị tư vấn thực hiện thiết kế hệ thống điện cấp nguồn phục vụ cho hoạt động của 02 cần cầu chân đế Kone tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui.
02	Số 02/NQ-HĐQT	01/2/2018	Phê duyệt dự án đầu tư phương tiện phục vụ hoạt động gom vét hàng rời của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.



Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
03	Số 03/NQ-HĐQT	08/2/2018	Thống nhất phê duyệt chủ trương thuê Cảng Sóc Trăng với thời hạn 10 năm (từ năm 2018 đến năm 2027).
04	Số 04/NQ-HĐQT	23/2/2018	Thống nhất tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau: - Thời gian tổ chức: 10/4/2018. - Ngày đăng ký cuối cùng: 16/3/2018. - Địa điểm: Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Địa chỉ: Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.
05	Số 04a/NQ-HĐQT	01/3/2018	Thông qua phương án sử dụng tín dụng tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hoàn Kiếm với tổng giá trị 8.787.350.000 đồng (<i>Bằng chữ: Tám tỷ, bảy trăm tám mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng</i>) để phát hành bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh đảm bảo tài sản thuê theo hợp đồng thuê quyền tổ chức, quản lý và khai thác cảng Sóc Trăng cho Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
06	Số 05/NQ-HĐQT	11/4/2018	- Giao ông Phan Thành Tiến với vai trò là Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn tiếp tục hỗ trợ công tác thay đổi Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn và có trách nhiệm đơn đốc Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn nhanh chóng chuyển khoản lợi nhuận trước thuế năm 2016 và năm 2017 của Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn mà Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được chia cho Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. - Giao ông Nguyễn Văn Phương phối hợp với ông Phan Thành Tiến nhanh chóng hoàn tất công tác thay đổi Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn; Chỉ đạo thực hiện rà soát, hoàn thiện các thủ tục tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn theo đúng các quy định hiện hành sau khi công tác thay đổi Người đại diện phần vốn của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn hoàn tất và tiếp tục rà soát, đánh giá hoạt động đầu tư của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn báo cáo Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.



Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
07	Số 06/NQ-HĐQT	08/5/2018	<p>Chấp thuận điều chuyển trụ sở Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ từ địa chỉ số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ về địa chỉ số 272, đường Cao Thắng, khóm 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.</p> <ul style="list-style-type: none">- chấp thuận thay đổi tên Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ như sau:- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ – TRUNG TÂM LOGISTICS CẦN THƠ.- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: BRANCH OF CANTHO PORT JOINT STOCK COMPANY – CANTHO LOGISTICS CENTER.- Tên chi nhánh viết tắt: CPL. <p>Thay đổi thành:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ – TRUNG TÂM LOGISTICS CẢNG SÓC TRĂNG.- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: BRANCH OF CANTHO PORT JOINT STOCK COMPANY – SOCTRANGPORT LOGISTICS CENTER.- Tên chi nhánh viết tắt: CPLS.
08	Số 07/NQ-HĐQT	08/5/2018	<p>Chấp thuận để Quyền Tổng giám đốc thực hiện bổ nhiệm các nhân sự như sau:</p> <ol style="list-style-type: none">Bổ nhiệm ông Trịnh Thanh Tùng, sinh ngày 10/7/1978.<ul style="list-style-type: none">- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán, Cử nhân kinh tế lao động và quản lý nguồn nhân lực.- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng phòng Phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.- Giữ chức vụ Trưởng phòng Phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.Bổ nhiệm bà Ngô Thị Ánh Tuyết, sinh ngày 13/12/1984.<ul style="list-style-type: none">- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương.- Chức vụ hiện nay: Trưởng điều hành Trung tâm điều hành cảng – Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Cái Cui.- Giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.Bổ nhiệm ông Hàng Quang Vinh, sinh ngày 23/3/1964.<ul style="list-style-type: none">- Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh.



Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
			<ul style="list-style-type: none">- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng phòng phụ trách chung Phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.- Giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách điều hành Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng.4. Bổ nhiệm ông Lê Thanh Hùng, sinh ngày 07/02/1982.- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh.- Chức vụ hiện nay: Phó Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh – Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam.- Giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng.5. Bổ nhiệm ông Trần Hồng Phong, sinh ngày 10/11/1978.- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngoại thương.- Chức vụ hiện nay: Trưởng ban Ban Logistics - Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ.- Giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng.6. Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tòng, sinh ngày 10/5/1979.- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển.- Chức vụ hiện nay: Phó Trưởng ban Ban Logistics - Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ.- Giữ chức vụ Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng.
09	Số 08/NQ-HĐQT	08/5/2018	Chấp thuận miễn giảm số tiền 178.214.500 đồng Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Phương còn nợ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
10	Số 09/NQ-HĐQT	08/5/2018	Phê duyệt dự án đầu tư mua đấu giá tài sản 02 xe đầu kéo container và 01 xe ô tô Toyota Camry đã qua sử dụng.
11	Số 10/NQ-HĐQT	08/5/2018	Phê duyệt chủ trương sửa chữa kho hàng A1 có diện tích 3.007 m ² tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu.
12	Số 11/NQ-HĐQT	06/6/2018	Giao Quyền Tổng giám đốc rà soát lại nguồn tiền hiện có của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, thực hiện nộp ngân sách Nhà nước một phần tiền thuê đất kỳ 01 năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ phải nộp tại ngày 31/5/2018 và vẫn phải đảm bảo đủ nguồn tiền để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; Đồng thời Quyền Tổng giám đốc có văn bản gửi Cục thuế thành phố Cần Thơ để cam kết lộ trình Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ nộp đủ tiền thuê đất kỳ 01 năm 2018.



Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
13	Số 12/NQ-HĐQT	07/6/2018	Thông qua các nội dung Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
14	Số 13/NQ-HĐQT	15/6/2018	Giao Quyền Tổng giám đốc ban hành thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu theo đúng quy định pháp luật hiện hành đối với ông Phan Thành Tiến – Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; Rà soát, thực hiện các thủ tục theo đúng quy định và trình Hội đồng quản trị xem xét, ban hành quyết định nghỉ hưu đối với ông Phan Thành Tiến.
15	Số 14/NQ-HĐQT	27/6/2018	Thông qua phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.
16	Số 15/NQ-HĐQT	27/6/2018	Nhất trí lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam là đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ với mức phí là 110.000.000 đồng (chưa bao gồm thuế VAT)
17	Số 16/NQ-HĐQT	27/6/2018	Phê duyệt Kế hoạch hành động năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
18	Số 17/NQ-HĐQT	09/7/2018	Phê duyệt chủ trương thuê đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án mở rộng kho A1 tại chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu.
19	Số 18/NQ-HĐQT	07/8/2018	Chấp thuận nhân sự đề Quyền Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thực hiện điều động, bổ nhiệm giữ chức vụ Phó trưởng phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
20	Số 19/NQ-HĐQT	22/8/2018	Chấp thuận thành lập văn phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại thành phố Hồ Chí Minh.
21	Số 20/NQ-HĐQT	18/9/2018	Chấp thuận bổ sung Ông Nguyễn Văn Bá, sinh ngày 19/7/1962, thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ vào danh sách nhân sự quy hoạch giữ chức Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giai đoạn 2016-2021.
22	Số 21/NQ-HĐQT	18/9/2018	Chấp thuận thông qua chủ trương số lượng và dự kiến phân công công tác đối với các nhân sự đề quyền Tổng giám đốc thực hiện quy trình điều động và bổ nhiệm.
23	Số 22/NQ-HĐQT	18/9/2018	Thống nhất chỉ định ông Võ Thành Được, phụ trách công tác kế hoạch đầu tư thuộc phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giữ chức vụ Thư ký công ty của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, thời hạn giữ chức vụ là (05 năm) kể từ ngày 18/9/2018.
24	Số 01/QĐ-HĐQT	12/01/2018	Phê duyệt chủ trương đầu tư phương tiện phục vụ hoạt động gom vét hàng rời của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ
25	Số 02/QĐ-HĐQT	01/02/2018	Phê duyệt dự án đầu tư phương tiện phục vụ hoạt động gom vét hàng rời của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ



Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
26	Số 03/QĐ-HĐQT	08/05/2018	<p>Chấp thuận điều chuyển trụ sở Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ từ địa chỉ số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ về địa chỉ số 272, đường Cao Thắng, khóm 6, phường 8, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhất trí chấp thuận thay đổi tên Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Trung tâm Logistics Cần Thơ như sau:- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ – TRUNG TÂM LOGISTICS CẦN THƠ.- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: BRANCH OF CANTHO PORT JOINT STOCK COMPANY – CANTHO LOGISTICS CENTER.- Tên chi nhánh viết tắt: CPL. <p>Thay đổi thành:</p> <ul style="list-style-type: none">- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ – TRUNG TÂM LOGISTICS CẢNG SÓC TRĂNG.- Tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh: BRANCH OF CANTHO PORT JOINT STOCK COMPANY – SOCTRANGPORT LOGISTICS CENTER.- Tên chi nhánh viết tắt: CPLS.
27	Số 04/QĐ-HĐQT	08/05/2018	Phê duyệt dự án đầu tư mua đầu giá tài sản 02 xe đầu kéo container và 01 xe ô tô Toyota Camry đã qua sử dụng
28	Số 05/QĐ-HĐQT	08/05/2018	Phê duyệt chủ trương sửa chữa kho hàng A1 có diện tích 3.007 m ² tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu.
29	Số 06/QĐ-HĐQT	27/06/2018	Phân công nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng quản trị.
30	Số 07/QĐ-HĐQT	27/06/2018	Phê duyệt Kế hoạch hành động năm 2018 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.
31	Số 08/QĐ-HĐQT	09/07/2018	Phê duyệt chủ trương thuê đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án mở rộng kho A1 tại chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ – Cảng Hoàng Diệu.
32	Số 09/QĐ-HĐQT	22/08/2018	Chấp thuận thành lập văn phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ tại thành phố Hồ Chí Minh.
33	Số 10/QĐ-HĐQT	18/09/2018	Chỉ định ông Võ Thành Được, phụ trách công tác kế hoạch đầu tư thuộc phòng Tổng hợp Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ giữ chức vụ Thư ký công ty của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ, thời hạn giữ chức vụ là (05 năm) kể từ ngày 18/9/2018.



Stt	Số Nghị Quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
34	Số 11/QĐ-HĐQT	17/11/2018	Về việc chế độ nghỉ hưu hưởng chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Phan Thành Tiến – Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/Activities of independent members of the Board of Directors. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/ Activities of the committees of the Board of Directors: Không.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm/List of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. List of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year.

LÝ LỊCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Lâm Tiến Dũng – Chủ tịch HĐQT	
Năm sinh	09/11/1963
Nơi sinh	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Máy tàu thủy, Kỹ sư Kinh tế Vận tải biển
Số cổ phiếu cá nhân sơ hưu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sơ hưu	8.557.300
2. Ông Nguyễn Văn Phương – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (xem phần lý lịch Ban TGD)	
3. Ông Nguyễn Văn Bá – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	19/07/1962
Nơi sinh	Cần Thơ
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Số cổ phiếu cá nhân sơ hưu	3.200
Số cổ phiếu đại diện sơ hưu	5.696.000
4. Ông Phan Công Đức – Thành viên HĐQT	
Năm sinh	20/10/1960
Nơi sinh	Hậu Giang



<i>Trình độ chuyên môn</i>	<i>Cử nhân Quản trị kinh doanh</i>
<i>Số cổ phiếu cá nhân sở hữu</i>	6.200
<i>Số cổ phiếu đại diện sở hữu</i>	5.696.000

2. Ban Kiểm soát/ Board of Supervisors

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/Members and structure of the Board of Supervisors:

CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng Ban	-	-
2	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	1.900	0,01%
3	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	-	-

LÝ LỊCH CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

1. Ông Nguyễn Hồng Hải – Trưởng Ban Kiểm Soát	
Năm sinh	27/10/1975
Nơi sinh	Thanh Hóa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
2. Ông Trịnh Thanh Tùng – Thành viên BKS	
Năm sinh	10/07/1978
Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế Lao động, Cử nhân Tài chính – Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	1.900
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	-
3. Ông Nguyễn Văn Hiền – Thành viên BKS	
Năm sinh	15/12/1982



Nơi sinh	Hậu Giang
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Kế toán
Số cổ phiếu cá nhân sơ hữu	-
Số cổ phiếu đại diện sơ hữu	-

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát/Activities of the Board of Supervisors:

- Theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn đã được quy định trong Luật và Điều lệ Công ty, với kinh nghiệm và tinh thần làm việc trách nhiệm, nghiêm túc trước Đại hội đồng cổ đông, năm 2018 Ban Kiểm soát đã thực hiện những hoạt động như sau:
 - + Xây dựng và ban hành kế hoạch cụ thể năm 2018.
 - + Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty theo Luật doanh nghiệp, theo Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.
 - + Phối hợp cùng các phòng chuyên môn công ty rà soát, đánh giá các rủi ro tiềm ẩn và rủi ro trọng yếu nhằm xây dựng và đề xuất kế hoạch kiểm soát năm 2018.
 - + Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát hoạt động tài chính của Công ty. Hoạt động của Ban Kiểm soát luôn độc lập với hoạt động điều hành của Công ty. Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát luôn chủ động nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ.
 - + Năm 2018, Ban Kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ (1 năm 2 lần) với Kiểm toán độc lập AFC (Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam Chi nhánh Cần Thơ) để trao đổi về phạm vi kiểm toán, kết quả kiểm toán, và các vấn đề được nêu trong thư quản lý. Theo đó, các hoạt động của Công ty rõ ràng, minh bạch, không phát hiện những vi phạm nghiêm trọng nào về kế toán, tài chính, cũng như quy trình hoạt động. Ngoài ra, Ban Kiểm soát cũng tiến hành phân tích báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2018 và số liệu Ban điều hành trình bày tại các cuộc họp HĐQT.
 - + Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao. Đối với cổ đông, Ban Kiểm soát không nhận được khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty cũng như về điều hành của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Nhìn chung, Ban Kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2018 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ hoạt động của Công ty. Để thực hiện tốt công tác kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2019 như sau:



- Soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2019 và Thẩm định báo cáo tài chính năm 2019, tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh 6 tháng và cả năm 2019.
- Tiếp tục xem xét tính hợp lý của các quy định nội bộ, phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty..
- Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục duy trì sự phối hợp chặt chẽ trong hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Phòng ban trong công ty.
- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty; Tình hình thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị và việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty; Việc tuân thủ quy chế, quy định của Công ty.
- Phối hợp với các phòng ban kiểm tra hoạt động kinh doanh, ban hành quy định nội bộ tại chi nhánh của Công ty.
- Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và các vấn đề có liên quan; Thảo luận với kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán; xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng giám đốc Công ty; Phối hợp với Kiểm toán độc lập để xem xét để xem xét các ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện những kiến nghị của Kiểm toán độc lập.
- Công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định nội bộ của Công ty.
- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2019.
- Phối hợp với HĐQT giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ Điều lệ doanh nghiệp, quy định nội bộ và quy định của pháp luật
- Kiến nghị/phối hợp với HĐQT và ban Tổng giám đốc hoàn thiện quy định nội bộ để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc triển khai kế hoạch thu hồi và xử lý nợ quá hạn.
- Giám sát việc công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- Thực hiện giám sát theo chuyên đề đối với chu trình bán hàng và thu tiền; chu trình sửa chữa mua sắm, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị.



3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Transactions, remunerations and interests of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/Salary, rewards, remuneration and benefits:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/năm (đồng)	Lương, thưởng/năm (đồng)
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch		294,884,934
2	Nguyễn Văn Bá	Thành viên		248,011,247
3	Phan Công Đức	Thành viên		248,011,247
4	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT kiêm TGD	24.000.000	271,570,516
5	Nguyễn Hồng Hải	Trưởng BKS	24.000.000	
6	Trịnh Thanh Tùng	Thành viên BKS	18.000.000	
7	Nguyễn Văn Hiền	Thành viên BKS	18.000.000	
8	Lê Tiến Công	Phó TGD		227,145,337
9	Tạ Khả Duy	Phó TGD		227,145,337
10	Lâm Trúc Sơn	Kế toán trưởng		225,431,382
	Tổng cộng		84.000.000	1.742.200.000

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ/ Transactions of internal shareholders: Không

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ/ Contracts or transactions with internal shareholders: Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty/ Implementation of regulations on corporate governance: Không



VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

1. Ý kiến kiểm toán/Auditor's opinions: Chấp nhận toàn phần

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements: Đính kèm

Cần Thơ, ngày 06 tháng 04 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Phương
Nguyễn Văn Phương



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Thuyết minh báo cáo tài chính	13 – 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

1. Thông tin chung

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn Nhà Nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.
- Điện thoại : 0292 651 6483
- Fax : 0292 391 7395

Hoạt động chính của Công ty:

- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; Bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài,....

2. Các Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến thời điểm báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên
Ông Phan Công Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Phương	Thành viên

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban
Ông Trịnh Thanh Tùng	Kiểm soát viên
Ông Nguyễn Văn Hiền	Kiểm soát viên

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Văn Phương	Q. Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiên Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Dục	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu ngày 01 tháng 01 năm 2018)

Đại diện pháp luật

Họ và tên

Chức vụ

Ông Nguyễn Văn Phương	Q. Tổng Giám đốc
-----------------------	------------------

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



LÂM TIẾN DŨNG

Chủ tịch

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2019



Số: 030/2019/BCKTTH-CT.00185

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2019, từ trang 6 đến trang 33 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần. Đồng thời, Công ty đã trình bày lại số dư đầu năm theo Quyết định số 628/QĐ-HHVN ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam



TRANG ĐẶC NHA

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHANH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 11 tháng 03 năm 2019

A blue handwritten signature of Lê Thanh Vũ.

LÊ THANH VŨ

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2734-2018-009-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		65.707.716.029	63.129.170.266
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.130.574.639	23.413.204.721
Tiền	111		9.130.574.639	16.913.204.721
Các khoản tương đương tiền	112		-	6.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.787.350.000	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	8.787.350.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.849.209.562	37.122.231.308
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	27.018.906.869	23.909.465.280
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	5.928.897.176	5.376.776.958
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5.1	9.247.842.584	8.182.426.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(346.437.067)	(346.437.067)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	720.464.397	790.070.999
Hàng tồn kho	141		720.464.397	790.070.999
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		5.220.117.431	1.803.663.238
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	3.128.043.106	865.194.595
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.092.074.325	938.468.643
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		319.950.049.631	317.129.008.353
Các khoản phải thu dài hạn	210		120.485.000	160.485.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.5.2	120.485.000	160.485.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		237.751.875.312	239.566.284.623
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	232.545.857.567	234.158.979.070
Nguyên giá	222		444.235.221.300	428.875.078.420
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(211.689.363.733)	(194.716.099.350)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	5.206.017.745	5.407.305.553
Nguyên giá	228		8.055.335.602	8.055.335.602
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.849.317.857)	(2.648.030.049)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		74.585.764.194	70.956.302.634
Chi phí sản xuất, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	74.585.764.194	70.956.302.634
Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.497.251.573	4.497.251.573
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.2	4.497.251.573	4.497.251.573
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		2.994.673.552	1.948.684.523
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	2.994.673.552	1.948.684.523
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		385.657.765.660	380.258.178.619

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		121.977.775.915	116.688.668.895
Nợ ngắn hạn	310		49.643.706.017	40.914.212.347
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	4.390.614.712	1.454.445.452
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.280.800	24.670.583
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	966.974.215	868.344.779
Phải trả người lao động	314		1.708.783.848	1.347.293.723
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13.892.000	117.526.636
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	37.048.539.946	32.705.110.678
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	5.496.136.073	4.096.136.073
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	5.16	8.484.423	300.684.423
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		72.334.069.898	75.774.456.548
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	21.192.392.302	22.632.778.952
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	51.141.677.596	53.141.677.596
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoặ chính giữa niên độ.	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

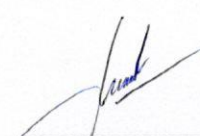
Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN


Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	263.679.989.745	263.569.509.724
Vốn chủ sở hữu	410		263.679.989.745	263.569.509.724
Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.281.179.597	275.281.179.597
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		646.231.180	646.231.180
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(12.247.421.032)	(12.357.901.053)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(12.357.901.053)	(12.142.833.919)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		110.480.021	(215.067.134)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		385.657.765.660	380.258.178.619


THÁI THỊ MỸ LINH
Người lập biểu


LÂM TRÚC SƠN
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN PHƯƠNG
Q. Tổng Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2019



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

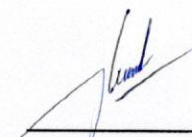
Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2018	2017
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	96.803.715.149	96.855.404.895
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	9.404.300
Doanh thu thuần	10		96.803.715.149	96.846.000.595
Giá vốn hàng bán	11	6.2	73.891.998.811	71.833.799.013
Lợi nhuận gộp	20		22.911.716.338	25.012.201.582
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.543.611.217	3.241.226.185
Chi phí tài chính	22	6.4	60.022.521	5.508.565.328
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		57.522.521	5.505.386.739
Chi phí bán hàng	25	6.5	1.666.794.725	1.352.610.420
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23.235.564.827	22.880.492.377
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(507.054.518)	(1.488.240.358)
Thu nhập khác	31	6.7	625.830.468	1.375.755.039
Chi phí khác	32	6.8	8.295.929	102.581.815
Lợi nhuận khác	40		617.534.539	1.273.173.224
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		110.480.021	(215.067.134)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		110.480.021	(215.067.134)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	4	(8)


THÁI THỊ MỸ LINH
 Người lập biểu


LÂM TRÚC SƠN
 Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN PHƯƠNG
 Q. Tổng Giám đốc
 TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh	2018	2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		110.480.021	(215.067.134)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		16.295.263.955	16.237.569.383
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(6.083.543)	(3.178.589)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(82.177.055)	(3.501.364.765)
Chi phí lãi vay	06		27.949.651	5.505.386.739
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.345.433.029	18.023.345.634
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.840.583.936)	(7.792.534.647)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		69.606.602	(159.576.616)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.111.618.020	(944.209.922)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.308.837.540)	626.468.400
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(27.949.651)	(4.632.282.305)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(292.200.000)	(84.936.364)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.057.086.524	5.036.274.180
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(16.040.627.204)	(5.188.776.363)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	407.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.787.350.000)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		82.177.055	766.755.327
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(24.745.800.149)	(4.014.748.309)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

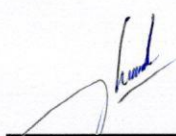
Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết Minh	2018	2017
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		-	-
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.1	(600.000.000)	(3.846.136.082)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(600.000.000)	(3.846.136.082)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(14.288.713.625)	(2.824.610.211)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		23.413.204.721	26.234.636.343
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		6.083.543	3.178.589
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5.1	9.130.574.639	23.413.204.721


THÁI THỊ MỸ LINH
Người lập biểu


LÂM TRÚC SƠN
Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN PHƯƠNG
Q. Tổng Giám đốc

TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn Nhà Nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907, đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 19 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty:

- Bốc xếp hàng hoá đường bộ; Bốc xếp hàng hoá cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho ngoại quan;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho đông lạnh (kho ngoại quan);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá trong kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài,....

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Công ty

Công ty có ba chi nhánh trực thuộc. Cụ thể như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung Tâm Logistics Cảng Sóc Trăng	Số 272 đường Cao Thắng, khóm 6, phường 8, Thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu	27 đường Lê Hồng Phong, phường Trà An, quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui	Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng số nhân viên của Công ty là 173 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 162 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

002
Y
ĐU
H
ÁN
P N
H
ÁN
TH
3-T

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập vào ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc thấp hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường còn dở dang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định hữu hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 47
Máy móc thiết bị	02 – 10
Phương tiện vận tải	02 – 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 06
Tài sản cố định khác	02 – 14

4.8 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng đất từ 37 năm đến 45 năm, quyền sử dụng đất không thời hạn không được khấu hao.

Phần mềm máy vi tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 05 năm.

4.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.10 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị thực tế của các cổ đông.

4.12 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng thời kỳ.

4.14 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

4.15 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.16 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét các mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của các mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên đối tượng

Quan hệ

Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam

Công ty mẹ

Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn

Công ty liên doanh

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Thành viên quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tiền mặt tồn quỹ – VND	1.568.543.850	1.031.306.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	7.544.132.520	13.392.267.132
- USD	17.898.269 (*)	2.489.630.847
Các khoản tương đương tiền – VND	-	6.500.000.000
	9.130.574.639	23.413.204.721

(*) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 :

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng - USD	773,25	17.898.269

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	8.787.350.000	8.787.350.000	-	-

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 7%/năm tại ngân hàng TPBank.

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND	Giá trị đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.497.251.573	-	4.497.251.573	-

Đây là khoản góp vốn thành lập Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn với vốn điều lệ đăng ký theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 20.000.000.000 VND (Công ty góp 10.000.000.000 VND chiếm 50% vốn điều lệ). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty đã góp 4.497.251.573 VND (chiếm 22,49%)

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Và Đầu Tư Trường Sơn	1.511.779.823	3.258.888.009
Công ty TNHH Thạnh Phương	3.689.691.080	305.333.713
Các khách hàng khác	21.817.435.966	20.345.243.558
	27.018.906.869	23.909.465.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Trả trước cho người bán khác		
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	-	2.100.000.000
Công ty Cổ phần Hoàn Thiện	720.000.000	360.000.000
CÔNG ty cổ phần Thương mại Cung ứng Nhân lực Vietgroup	825.141.667	-
Công ty TNHH Xây Dựng Quân Đô	625.500.000	625.500.000
Các nhà cung cấp khác	3.758.255.509	2.291.276.958
	5.928.897.176	5.376.776.958

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.5.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các bên liên quan				
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn - lợi nhuận hợp tác kinh doanh	3.369.663.225	-	2.399.663.225	-
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Tạm ứng công tác	3.998.039.473	-	3.236.049.112	-
Nhận ký quỹ cược ngắn hạn	1.695.668.975	-	1.683.000.000	-
Phải thu khác	184.470.911	-	863.713.800	-
	9.247.842.584	-	8.182.426.137	-

5.5.2 Phải thu dài hạn khác

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức, cá nhân khác				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	15.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	105.485.000	-	145.485.000	-
	120.485.000	-	160.485.000	-

5.6 Nợ xấu

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND
Công ty Cổ phần Chế Biến Lâm Sản Xuất Khẩu Hưng	178.549.894	-	178.549.894	-
Công ty TNHH Nguyên Liệu Giấy Cần Thơ	148.379.646	-	148.379.646	-
Các khách hàng khác	19.507.527	-	19.507.527	-
	346.437.067	-	346.437.067	-

Các khoản công nợ này đã quá hạn trên 03 năm (kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP.Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Nợ phải thu cung cấp dịch vụ VND
Tại ngày 01/01/2018	(346.437.067)
Trích dự phòng bổ sung	-
Tại ngày 31/12/2018	<u>(346.437.067)</u>

5.7 Hàng tồn kho

	<u>31/12/2018</u>		<u>01/01/2018</u>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	44.128.374	-	6.332.288	-
Công cụ, dụng cụ	308.351.547	-	306.421.548	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.739.339	-	106.042.559	-
Hàng hóa	331.245.137	-	371.274.604	-
	<u>720.464.397</u>	<u>-</u>	<u>790.070.999</u>	<u>-</u>

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	200.194.665	149.648.694
Chi phí thuê cảng Sóc Trăng	2.400.000.000	-
Chi phí khác chờ phân bổ	527.848.441	715.545.901
	<u>3.128.043.106</u>	<u>865.194.595</u>

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	<u>31/12/2018</u> VND	<u>01/01/2018</u> VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.038.346.168	311.665.478
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	971.618.643	1.431.601.455
Chi phí kiểm định chờ phân bổ	290.922.350	176.130.556
Chi phí khác chờ phân bổ	693.786.391	29.287.034
	<u>2.994.673.552</u>	<u>1.948.684.523</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
Số 02, khu vực Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Dụng cụ quản lý VND	Tài sản khác VND	Cộng VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2018	354.963.389.973	7.236.339.829	65.844.132.000	472.610.000	358.606.618	428.875.078.420
Mua sắm trong năm	-	-	3.354.259.090	-	-	3.354.259.090
Tăng từ XDCB dở dang	7.083.482.199	4.043.113.355	-	-	-	11.126.595.554
Điều chỉnh theo Quyết định số 628/QĐ-HHVN	577.916.524	(6.700.666)	308.072.378	-	-	879.288.236
Trình bày lại theo danh sách thực tế Tại ngày 31/12/2018	362.624.788.696	11.127.297.972	69.651.918.014	472.610.000	358.606.618	444.235.221.300
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2018	144.072.666.112	5.714.708.069	44.451.178.347	181.671.721	295.875.101	194.716.099.350
Khấu hao trong năm	11.521.569.278	609.593.770	3.915.563.552	33.390.636	13.858.911	16.093.976.147
Điều chỉnh theo Quyết định số 628/QĐ-HHVN	577.916.524	(6.700.666)	308.072.378	-	-	879.288.236
Trình bày lại theo danh sách thực tế Tại ngày 31/12/2018	(14.453.994) 156.157.697.920	(23.030.301) 6.294.570.872	(203.782.399) 48.471.031.878	241.266.694 456.329.051	- 309.734.012	- 211.689.363.733
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2018	210.890.723.861	1.521.631.760	21.392.953.653	290.938.279	62.731.517	234.158.979.070
Tại ngày 31/12/2018	206.467.090.776	4.832.727.100	21.180.886.136	16.280.949	48.872.606	232.545.857.567
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng						
Tại ngày 01/01/2018	5.632.039.860	127.849.189	14.510.638.401	54.869.750	67.200.489	20.392.597.689
Tại ngày 31/12/2018	5.661.428.596	3.634.368.908	15.437.279.847	15.610.000	277.406.618	25.026.093.969

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2018	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Mua sắm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2018	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2018	2.522.030.049	126.000.000	2.648.030.049
Khấu hao trong năm	150.887.808	50.400.000	201.287.808
Tại ngày 31/12/2018	2.672.917.857	176.400.000	2.849.317.857
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2018	5.281.305.553	126.000.000	5.407.305.553
Tại ngày 31/12/2018	5.130.417.745	75.600.000	5.206.017.745

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2018 VND	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	31/12/2018 VND
Công trình cảng Cái Cui	70.956.302.634	9.070.401.632	(6.221.934.545)	73.804.769.721
Công trình khác	-	9.185.369.118	(8.404.374.645)	780.994.473
	70.956.302.634	18.255.770.750	(14.626.309.190)	74.585.764.194

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Dầu Khí ABE	-	676.080.000
Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế xây dựng Trí Việt	2.069.689.000	-
Công ty Cổ phần Phát Triển Hiệp Phong	950.700.000	-
Các nhà cung cấp khác	1.370.225.712	778.365.452
	4.390.614.712	1.454.445.452

5.13 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2018 Phải nộp VND	Số phát sinh trong năm Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	31/12/2018 Phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	760.066.804	4.363.578.946	(4.258.293.270)	865.352.480
Thuế thu nhập cá nhân	7.620.275	11.897.460	(18.553.700)	964.035
Tiền thuế đất	100.657.700	6.356.550.365	(6.356.550.365)	100.657.700
Thuế khác	-	101.634.709	(101.634.709)	-
	868.344.779	10.833.661.480	(10.735.032.044)	966.974.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Thuế giá trị gia tăng:

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	2018 VND	2017 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.480.021	(215.067.134)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Chuyển lỗ trong năm	(110.480.021)	-
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng thuế TNDN phải nộp	-	-

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam - thuê tài sản chi hộ	7.041.199.909	3.918.858.687
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Ngân hàng Vietinbank - phải trả lãi vay	27.725.888.199	27.696.315.329
Phải trả khác	2.281.451.838	1.089.936.662
	37.048.539.946	32.705.110.678

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>		
Ủy ban nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn ngân sách đầu tư	20.023.518.102	20.023.518.102
Phải trả khác	1.168.874.200	2.609.260.850
	21.192.392.302	22.632.778.952

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.15 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng Vietinbank - nợ vay dài hạn đến hạn trả	5.275.000.000	5.275.000.000	3.875.000.000	3.875.000.000
CTCP Cảng Sài Gòn - nợ vay dài hạn đến hạn trả	221.136.073	221.136.073	221.136.073	221.136.073
	5.496.136.073	5.496.136.073	4.096.136.073	4.096.136.073

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2018 VND	Kết chuyển từ vay dài hạn sang vay ngắn hạn VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2018 VND
Vay dài hạn đến hạn trả	3.875.000.000	2.000.000.000	(600.000.000)	5.275.000.000
Vay các tổ chức, cá nhân khác	221.136.073	-	-	221.136.073
	4.096.136.073	2.000.000.000	(600.000.000)	5.496.136.073

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Ngân hàng Vietinbank - lãi suất 9,7%/năm	51.141.677.596	51.141.677.596	53.141.677.596	53.141.677.596

Đây là khoản vay để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui. Khoản vay này được đảm bảo toàn bộ toàn bộ các tài sản theo dự án đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui - giai đoạn I và các tài sản hình thành trong tương lai theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - Giai đoạn II.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	01/01/2018 VND	Kết chuyển sang vay ngắn hạn VND	31/12/2018 VND
Vay dài hạn ngân hàng	53.141.677.596	(2.000.000.000)	51.141.677.596

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ VND	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND
Tại ngày 31/12/2018			
Vay dài hạn ngân hàng	56.416.677.596	5.275.000.000	51.141.677.596
Tại ngày 01/01/2018			
Vay dài hạn ngân hàng	57.016.677.596	3.875.000.000	53.141.677.596

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

5.16 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	2018 VND	2017 VND
Tại ngày 01 tháng 01	300.684.423	385.620.787
Sử dụng quỹ trong năm	(292.200.000)	(84.936.364)
Tại ngày 31 tháng 12	8.484.423	300.684.423

5.17 Vốn chủ sở hữu**5.17.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	275.281.179.597	646.231.180	(12.142.833.919)	263.784.576.858
Lỗi năm 2017	-	-	(215.067.134)	(215.067.134)
Tại ngày 31/12/2017	275.281.179.597	646.231.180	(12.357.901.053)	263.569.509.724
Tại ngày 01/01/2018	275.281.179.597	646.231.180	(12.357.901.053)	263.569.509.724
Lãi năm 2018	-	-	110.480.021	110.480.021
Tại ngày 31/12/2018	275.281.179.597	646.231.180	(12.247.421.032)	263.679.989.745

5.17.2 Chi tiết vốn góp của các cổ đông

Cổ đông	31/12/2018		01/01/2018	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597	99,01%
Các cổ đông khác	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000	0,99%
	275.281.179.597	100,00%	275.281.179.597	100,00%

5.17.3 Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
	27.528.118	27.528.118

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng	17.435.354.092	10.666.134.722
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.368.361.057	86.189.270.173
	96.803.715.149	96.855.404.895

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

6.2 Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn bán hàng	16.804.261.768	9.874.717.254
Giá vốn cung cấp dịch vụ	57.087.737.043	61.959.081.759
	73.891.998.811	71.833.799.013

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	567.527.674	691.562.960
Cổ tức, lợi nhuận được chia	970.000.000	2.549.663.225
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.083.543	-
	1.543.611.217	3.241.226.185

6.4 Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	57.522.521	5.505.386.739
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	3.178.589
Chi phí hoạt động tài chính khác	2.500.000	-
	60.022.521	5.508.565.328

6.5 Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	380.399.244	694.376.332
Chi phí bán hàng khác	1.286.395.481	658.234.088
	1.666.794.725	1.352.610.420

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân viên quản lý	12.591.748.862	12.847.394.707
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.643.815.965	10.033.097.670
	<u>23.235.564.827</u>	<u>22.880.492.377</u>

6.7 Thu nhập khác

	2018 VND	2017 VND
Thu tiền vi phạm hợp đồng	-	830.198.721
Thu tiền sửa chữa tài sản khách hàng	605.366.115	-
Thu nhập khác	20.464.353	545.556.318
	<u>625.830.468</u>	<u>1.375.755.039</u>

6.8 Chi phí khác

	2018 VND	2017 VND
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	75.699.855
Chi phí khác	8.295.929	26.881.960
	<u>8.295.929</u>	<u>102.581.815</u>

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.838.097.996	4.974.839.530
Chi phí nhân công	19.652.312.298	23.960.983.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.295.263.955	16.237.569.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.719.988.598	27.433.743.702
Chi phí khác	16.219.392.296	13.306.337.985
	<u>98.725.055.143</u>	<u>85.913.473.759</u>

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	110.480.021	(215.067.134)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	110.480.021	(215.067.134)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>4</u>	<u>(8)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1 Tiền trả nợ gốc vay

	2018 VND	2017 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	600.000.000	3.846.136.082

8. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỉ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỉ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của mình.

Công ty có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Công ty. Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

ii Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	5.496.136.073	51.141.677.596	56.637.813.669
Phải trả người bán	4.390.614.712	-	4.390.614.712
Phải trả khác và chi phí phải trả	37.062.431.946	21.192.392.302	58.254.824.248
	46.949.182.731	72.334.069.898	119.283.252.629
Ngày 01 tháng 01 năm 2018			
Các khoản vay và nợ	4.096.136.073	53.141.677.596	57.237.813.669
Phải trả người bán	1.454.445.452	-	1.454.445.452
Phải trả khác và chi phí phải trả	32.822.637.314	22.632.778.952	55.455.416.266
	38.373.218.839	75.774.456.548	114.147.675.387

Tài sản đảm bảo

Công ty đã dùng giá trị tài sản cố định của Chi nhánh Cảng Cái Cui mình để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

Giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	26.672.469.802	23.563.028.213	26.672.469.802	23.563.028.213
Các khoản phải thu khác	9.368.327.584	8.342.911.137	9.368.327.584	8.342.911.137
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.130.574.639	23.413.204.721	9.130.574.639	23.413.204.721
	45.171.372.025	55.319.144.071	45.171.372.025	55.319.144.071
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	56.637.813.669	57.237.813.669	56.637.813.669	57.237.813.669
Phải trả người bán	4.390.614.712	1.454.445.452	4.390.614.712	1.454.445.452
Phải trả khác và chi phí phải trả	58.254.824.248	55.455.416.266	58.254.824.248	55.455.416.266
	119.283.252.629	114.147.675.387	119.283.252.629	114.147.675.387

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 01 tháng 01 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2018	2017
	VND	VND
Tiền lương và thưởng	1.225.000.000	1.103.590.000

9.2 Số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu với các bên liên quan			
Công ty TNHH Căng Cần Thơ - Thanh Tuấn - lợi nhuận hợp tác kinh doanh	Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	3.369.663.225	2.399.663.225
Phải trả với các bên liên quan			
Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	Thuê tài sản chi hộ	7.041.199.909	3.918.858.687

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

9.3 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính chủ yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức, quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo các bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo quy định của Chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng và ở khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.


9.4 Số liệu so sánh


Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu trong báo cáo tài chính năm 2017 đã kiểm toán theo Quyết định số 628/QĐ-HHVN ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam



	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
Bảng Cân đối kế toán				
TÀI SẢN				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	21.160.352.784	2.749.112.496	23.909.465.280
Phải thu ngắn hạn khác	136	9.482.844.631	(1.300.418.494)	8.182.426.137
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	465.603.386	399.591.209	865.194.595
Phải thu dài hạn khác	216	120.485.000	40.000.000	160.485.000
Tài sản cố định hữu hình				
Nguyên giá	222	428.875.078.421	(1)	428.875.078.420
Chi phí trả trước dài hạn	261	2.348.275.732	(399.591.209)	1.948.684.523
NGUỒN VỐN				
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	861.688.539	6.656.240	868.344.779
Phải trả ngắn hạn khác	319	31.749.565.038	955.545.640	32.705.110.678
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(12.884.393.174)	526.492.121	(12.357.901.053)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Thu nhập khác	31	1.679.620.899	(303.865.860)	1.375.755.039
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3	(11)	(8)

9.5 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.


THÁI THỊ MỸ LINH
 Người lập biểu


LÂM TRÚC SƠN
 Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN PHƯƠNG
 Q. Tổng Giám đốc
 TP. Cần Thơ, ngày 25 tháng 02 năm 2019